| BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2468 /QĐ-BHXH | *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm và lập kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm**

## TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 ;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT- BTC ngày 03 tháng 02 năm 2016 hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019 – 2021;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Quyết định số 51/2018/QĐ-TTg ngày 25/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn 2019-2021.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm và lập kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020. Quyết định này thay thế Quyết định số 3588/QĐ-BHXH ngày 21/12/2016 về Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và chi quản lý BHXH, BHYT, BHTN và Công văn số 4985/BHXH-KHĐT ngày 7/11/2017 về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Thủ trưởng cơ quan, Cục Việc làm và Cục An toàn lao động thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- HĐQL BHXH Việt Nam (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, LĐTB&XH, Y tế, KH&ĐT;
- TGĐ và các Phó TGĐ;
- Lưu: VT, KHĐT (10b).

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Đào Việt Ánh**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# QUY TRÌNH

**Lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm và lập kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2468/QĐ-BHXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định chi tiết việc:

1. Lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi chung là dự toán thu, chi) hằng năm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bảo hiểm xã hội quận, huyện trực thuộc tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị liên quan trong việc lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi hằng năm.

2. Lập kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm bao gồm kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm của Bảo hiểm xã hội Việt nam, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm của Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị liên quan trong việc lập kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm.

3. Các nội dung chi tiết về kế hoạch chi ứng dụng công nghệ thông tin, chi thực hiện các dự án đầu tư phát triển của ngành Bảo hiểm xã hội được thực hiện theo quy định riêng và đảm bảo tính thống nhất với quy định tại văn bản này.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

2. Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh);

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp);

4. Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội huyện); các phòng nghiệp vụ thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh.

5. Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an Nhân dân;

6. Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp (Cục Việc làm, Cục An toàn lao động thuộc Bộ lao động - thương binh và xã hội).

**Điều 3. Quy định các từ, cụm từ viết rút gọn, viết tắt**

1. BHXH: là viết tắt của cụm từ "bảo hiểm xã hội"

2. BHTN: là viết tắt của cụm từ "bảo hiểm thất nghiệp"

3. BHYT: là viết tắt của cụm từ "bảo hiểm y tế"

4. BHTNLĐ – BNN: là viết tắt của cụm từ "bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp

5. Đơn vị: gọi chung cho 06 đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2

6. NSNN: là viết tắt của cụm từ "Ngân sách Nhà nước"

7. Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm là kế hoạch tài chính - NSNN được lập hằng năm cho thời hạn 03 năm theo quy định tại Điều 43 Luật NSNN.

8. Phương thức cuốn chiếu trong lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm là việc hằng năm thực hiện lập kế hoạch tài chính - NSNN cho thời hạn 03 năm liền sau, trong đó năm thứ nhất chính là năm dự toán thu, chi và được chi tiết theo theo từng nhóm đối tượng tham gia, đối tượng thụ hưởng, từng nội dung thu,chi; 02 năm tiếp theo đưa ra các dự báo về số đối tượng tham gia, đối tượng thụ hưởng, số thu, số chi và một số nội dung khác liên quan để tham khảo, lập, trình, quyết định dự toán thu, chi hằng năm.

9. Năm hiện hành là năm hiện tại đang tổ chức thực hiện dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao.

10. Năm kế hoạch là năm thực hiện lập kế hoạch, năm thứ nhất trong kế hoạch tài chính tài chính - NSNN 03 năm.

11. Số kiểm tra dự toán thu, chi là số thu, số chi, số đối tượng BHXH Việt Nam thông báo cho BHXH tỉnh, BHXH tỉnh thông báo cho BHXH huyện để làm căn cứ xây dựng dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm.

**Điều 4. Mục đích, yêu cầu**

1. Lập dự toán thu, chi hằng năm của ngành BHXH được thực hiện cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước để kịp thời trình cấp có thẩm quyền giao dự toán. Phản ánh đầy đủ chính xác các khoản thu, chi dự kiến theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định. Việc lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi hằng năm phải được thực hiện thống nhất theo đúng các quy định, đảm bảo chủ động trong tổ chức thực hiện dự toán.

2. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm phải phù hợp với tình hình thực tế thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính 5 năm và hằng năm; dự báo trong thời gian 03 năm kế hoạch. Phản ánh đầy đủ các nội dung dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN, chi BHXH, BHTN, BHYT, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT theo quy định. Lập theo phương thức cuốn chiếu cho 03 năm, quy trình lập, báo cáo, tổng hợp và trình lồng ghép với quy trình dự toán thu, chi hằng năm.

3. Dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm được lập phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán.

## Chương II

## QUY TRÌNH LẬP, PHÂN BỔ, GIAO DỰ TOÁN THU, CHI HẰNG NĂM VÀ LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- NSNN 03 NĂM

### Mục I

### LẬP DỰ TOÁN THU, CHI HẰNG NĂM VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- NSNN 03 NĂM

**Điều 5. Căn cứ lập dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm**

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu và dự toán được giao năm hiện hành;

2. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển Ngành, lĩnh vực, đơn vị; kế hoạch đầu tư công trung hạn của đơn vị;

3. Quy định hiện hành và định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định pháp luật về tài chính - NSNN do các cơ quan có thẩm quyền ban hành trong 03 năm kế hoạch;

4. Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch;

5. Chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền về lập kế hoạch tài chính - NSNN trong thời gian 03 năm kế hoạch; văn bản hướng dẫn của BHXH Việt Nam;

6. Số kiểm tra dự toán thu, chi do BHXH Việt Nam thông báo cho các đơn vị, số kiểm tra do BHXH tỉnh thông báo cho BHXH huyện.

**Điều 6. Nguyên tắc xây dựng dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm**

- Xây dựng kế hoạch phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT phấn đấu đạt hoặc vượt chỉ tiêu quy định tại Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng và của BHXH Việt Nam.

- Dự toán thu phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch. Đánh giá tác động của các nhân tố làm tăng, giảm số thu; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu, tăng cường xử lý nợ đọng.

- Xây dựng dự toán chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi hoạt động gắn liền với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy hiệu lực, hiệu quả và tinh giản biên chế.

- Xây dựng dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết trung ương về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và công tác dân số trong tình hình mới. Đảm bảo sử dụng quỹ BHYT hiệu quả.

**Điều 7. Hướng dẫn lập, thông báo số kiểm tra về dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm**

1. BHXH Việt Nam

Căn cứ vào các văn bản quy định về xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch; ban hành văn bản hướng dẫn và

thông báo số kiểm tra về dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm, cụ thể:

1.1. Trước ngày 05 tháng 6 hằng năm, Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính – Kế toán xây dựng nội dung hướng dẫn lập dự toán thu, chi, số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan.

1.2. Trước ngày 10 tháng 6 hằng năm, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành văn bản hướng dẫn lập dự toán thu, chi và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này cho BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, đơn vị sự nghiệp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội.

2. BHXH tỉnh

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn lập dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch của BHXH Việt Nam, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán thu, chi năm kế hoạch cho BHXH huyện trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, cụ thể:

2.1. Trước ngày 12 tháng 6 hằng năm, Phòng Quản lý Thu, Phòng Giám định BHYT, Phòng chế độ BHXH chủ trì phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan dự kiến số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; xây dựng nội dung hướng dẫn lập dự toán thu, chi thuộc lĩnh vực quản lý và trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính và các phòng nghiệp vụ liên quan.

2.2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì , phối hợp với các phòng nghiệp vụ dự kiến số kiểm tra về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ tổng hợp, trình Giám đốc BHXH tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn lập dự toán thu, chi và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này cho BHXH huyện.

**Điều 8. Lập dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm**

1. BHXH huyện

Trước ngày 25 tháng 6 hằng năm, trên cơ sở văn bản hướng dẫn và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch của BHXH tỉnh, lập dự toán thu, chi năm kế hoạch của đơn vị theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; gửi BHXH tỉnh.

2. BHXH tỉnh

2.1. Phòng Quản lý Thu, Phòng Chế độ BHXH, Phòng Giám định BHYT, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và Phát triển đối tượng tổng hợp và lập dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý và gửi cho các đơn vị liên quan, cụ thể:

a) Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, Phòng Quản lý Thu, Phòng Chế độ BHXH, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và Phát triển đối tượng tổng hợp, lập dự toán năm kế hoạch và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này và trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính.

b) Trước ngày 05 tháng 7 hàng năm, Phòng Giám định BHYT, tổng hợp, lập dự toán năm kế hoạch và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này và trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch – Tài chính.

2.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện:

a) Tổ chức thảo luận về dự toán thu, chi năm kế hoạch với các đơn vị trực thuộc BHXH tỉnh để rà soát các chỉ tiêu dự toán thu, chi đảm bảo phù hợp với chính sách, chế độ theo quy định, mục tiêu phát triển đối tượng tham gia tại địa phương và định hướng phát triển của Ngành.

b) Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, tổng hợp, lập dự toán chi BHXH, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm; tổng hợp dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính –NSNN 03 năm của đơn vị theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này và trình Giám đốc BHXH tỉnh xem xét, quyết định; gửi BHXH Việt Nam.

3. BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội:

3.1 BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an Nhân dân

Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân lập dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính – NSNN 03

năm thuộc phạm vi thực hiện trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; gửi BHXH Việt Nam.

3.2 Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - thương binh và xã hội

- Cục Việc làm dự kiến số người hưởng chế độ BHTN, số chi BHTN năm kế hoạch theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 3/2/2016 của Bộ Tài chính.

- Cục An toàn lao động dự kiến chi phí quản lý TNLĐ-BNN và kinh phí huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2017/TT-LĐTBXH ngày 20/9/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội lập dự toán chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm thuộc phạm vi thực hiện theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt; gửi BHXH Việt Nam.

4. BHXH Việt Nam

4.1. Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch, lập dự toán các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý gửi các đơn vị có liên quan, cụ thể:

a) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam

- Văn phòng BHXH Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp lập dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này gửi Vụ Tài chính - Kế toán.

- Viện Khoa học BHXH tổng hợp, xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học của Ngành gửi Vụ Tài chính- Kế toán.

- Trường Đào tạo nghiệp vụ BHXH xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo lĩnh vực phụ trách gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

- Trung tâm Truyền thông thẩm định, tổng hợp và lập kế hoạch, dự toán tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN toàn Ngành gửi Vụ Tài chính-Kế toán.

- Trung tâm Công nghệ thông tin thẩm định, tổng hợp và lập kế hoạch, dự toán chi ứng dụng CNTT của toàn Ngành gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư, dự toán chi thuê bao đường truyền toàn Ngành gửi Vụ Tài chính - Kế toán.

b) Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc:

- Ban Thực hiện chính sách BHXH dự kiến số đối tượng hưởng các chế độ BHXH, mức chi bình quân các chế độ BHXH và số tiền hưởng các chế độ BHXH theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này gửi Vụ Tài chính - Kế toán.

- Vụ Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm kế hoạch có yếu tố nước ngoài theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

- Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch biên chế toàn Ngành và tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng toàn Ngành năm kế hoạch theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này gửi Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi ứng dụng công nghệ thông tin (số tổng hợp) gửi Vụ Tài chính - Kế toán để tổng hợp, xây dựng dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT toàn Ngành.

- Các đơn vị khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập dự toán thu, chi của Ngành theo đề nghị của Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

4.2. Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, Ban Thu tổng hợp và lập dự toán năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

4.3. Trước ngày 16 tháng 7 hằng năm, Ban Thực hiện chính sách BHYT tổng hợp và lập dự toán năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

4.4. Trước ngày 18 tháng 7 hằng năm, Vụ Tài chính - Kế toán tổng hợp và lập dự toán năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực quản lý theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

4.5. Trước ngày 19 tháng 7 hằng năm, Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì, phối hợp Vụ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng phương án đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư quỹ BHXH, BHTN, BHYT. Tổng hợp các chỉ tiêu của kế hoạch đầu tư quỹ BHXH, BHTN,BHYT theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư

20/2016/TT-BTC ngày 3/2/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT và mẫu biểu quy định tại Điều 17 quy trình này. Trình lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt và gửi Vụ Kế hoạch và đầu tư.

4.6. Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, BHXH Việt Nam tổ chức thảo luận dự toán với BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội, phân công cụ thể:

a) Vụ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp xây dựng kế hoạch tổ chức thảo luận dự toán (thời gian, thành phần, nội dung) trình Lãnh đạo Ngành và tổ chức thực hiện sau khi phê duyệt;

- Chuẩn bị nội dung thảo luận thuộc lĩnh vực quản lý;

- Tổng hợp kết quả thảo luận dự toán, báo cáo Lãnh đạo Ngành xem xét, quyết định.

b) Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Ban Thực hiện chính sách BHXH, Ban Thực hiện chính sách BHXH, Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm CNTT, Trung tâm Truyền thông chuẩn bị nội dung thảo luận theo lĩnh vực được phân công quản lý.

4.7. Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, lập dự toán chi đầu tư phát triển trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; tổng hợp và lập dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của BHXH Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 3/2/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT và mẫu biểu quy định tại Điều 17 quy trình này báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, quyết định; trình Hội đồng Quản lý BHXH Việt Nam thông qua và gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4.8. Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia thảo luận về dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính 03 năm của BHXH Việt Nam do Bộ Tài chính chủ trì, thành phần tham gia có Bộ Y tế, Bộ Lao động - thương binh và xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan.

**Điều 9. Kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm**

1. Đặc điểm kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

a) Kế hoạch tài chính – NSNN 03 được lập hằng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm kể từ năm dự toán thu, chi và 02 năm tiếp theo. Số liệu được cập nhật thường xuyên 02 lần/năm. Năm hiện hành là xuất phát điểm để cập nhật, điều chỉnh cho từng năm của 03 năm kế hoạch.

b) Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm không thay thế cho dự toán thu, chi hằng năm và để tham khảo khi thảo luận, quyết định giao dự toán hằng năm.

c) Kết hợp quy trình từ trên xuống và từ dưới lên: BHXH Việt Nam thông báo số kiểm tra cho BHXH tỉnh, BHXH tỉnh lập kế hoạch gửi BHXH Việt Nam.

2. Các giai đoạn lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

a) Giai đoạn 1: Trước ngày 31/3 hằng năm, lập Báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã lập năm trước.

b) Giai đoạn 2: Trước ngày 20/7 hằng năm, lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm cùng với thời gian lập dự toán thu, chi hằng năm

3. Nội dung kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

Nội dung kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của các đơn vị thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 16 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, trong đó:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị năm hiện hành; dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; tập trung làm rõ khả năng, mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán thu, chi được giao; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

b) Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi của đơn vị năm hiện hành và năm liền trước; dự báo về kế hoạch phát triển đối tượng và dự kiến số thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN trong 03 năm kế hoạch; xác định mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu dự kiến phát sinh của đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch (có cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để triển khai thực hiện) và đề xuất nhu cầu chi để thực hiện (nêu rõ các khoản chi tiêu phát sinh mới).

c) Dự báo các rủi ro phát sinh trong tổ chức thực hiện kế hoạch;

d) Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của đơn vị;

đ) Các đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách (nếu có).

**Điều 10. Hướng dẫn lập Báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm**

1. Nội dung lập Báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

Hằng năm, trước ngày 31 tháng 3 căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã lập năm trước, khả năng thực hiện dự toán thu, chi năm hiện hành; dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ trong thời gian 03 năm kế hoạch, các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá mức độ phù hợp với tình hình thực tế của kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm để thực hiện cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã lập năm trước. Nội dung báo cáo cập nhật, bổ sung đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã lập năm trước gồm:

a) Xác định lại khả năng thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN từng năm trong 03 năm kế hoạch của đơn vị, chi tiết theo từng nhóm đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT; thuyết minh cụ thể các yếu tố tác động làm thay đổi số thu dự kiến so với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã lập năm trước.

b) Xác định lại nhu cầu chi từng năm trong 03 năm kế hoạch của đơn vị, chi tiết theo các nội dung chi theo quy định, chi tiết theo chỉ tiêu cơ sở, chỉ tiêu mới; thuyết minh cụ thể các yếu tố tác động làm thay đổi nhu cầu chi so với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã lập năm trước.

c) Các kiến nghị, đề xuất để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ 03 năm kế hoạch.

2. Trình tự và thời gian lập Báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

2.1 Tại BHXH tỉnh

- Trước ngày 15 tháng 3 hằng năm, Phòng Quản lý Thu, Phòng Chế độ BHXH, Phòng Giám định BHYT, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và phát triển đối tượng báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo Lãnh đạo tỉnh năm trước gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy trình này.

- Trước ngày 20 tháng 3 hằng năm, Phòng Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, dự thảo báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo Lãnh đạo tỉnh năm trước gửi BHXH Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy trình này.

2.2 Tại BHXH Việt Nam

- Trước ngày 25 tháng 3 hằng năm, các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo Lãnh đạo ngành năm trước gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy trình này.

- Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, dự thảo báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo Lãnh đạo Ngành năm trước gửi Bộ Tài chính theo quy định.

## Mục 2

## PHÂN BỔ VÀ GIAO DỰ TOÁN THU, CHI HẰNG NĂM

### Điều 11. Phân bổ và giao dự toán chi BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo

1. BHXH Việt Nam

a) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định về việc giao dự toán NSNN hằng năm của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Tài chính- Kế toán thực hiện phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

- Phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo năm kế hoạch chi tiết cho các đơn vị.

- Phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo năm kế hoạch chi tiết theo các chế độ quy định tại Điều 27 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

b) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo năm kế hoạch cho các đơn vị; duyệt và ký văn bản báo cáo Bộ Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. BHXH tỉnh

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định về việc giao dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo của BHXH Việt Nam, Phòng Kế hoạch- tài chính phối hợp với Phòng chế độ chính sách BHXH tổng hợp và trình phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo năm kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc.

b) Thực hiện công khai và báo cáo BHXH Việt Nam kết quả phân bổ, giao dự toán chi lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN đảm bảo.

**Điều 12. Phân bổ và giao dự toán thu, chi hằng năm từ nguồn quỹ BHXH, BHTN, BHYT; chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT**

1. BHXH Việt Nam

a) Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thu thực hiện phân bổ dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thực hiện chính sách BHYT thực hiện phân bổ dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện phân bổ dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm Công nghệ thông tin xây dựng phương án phân bổ dự toán và nội dung hướng dẫn thực hiện chi ứng dụng công nghệ thông tin trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

e) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định giao dự toán thu, chi cho BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, đơn vị sự nghiệp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Cục Việc làm theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi năm kế hoạch.

2. BHXH tỉnh

a) Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Quản lý thu thực hiện phân bổ dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý, trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Giám định BHYT, Phòng Kế hoạch - Tài chính.

b) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Giám định BHYT chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ thực hiện phân bổ dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý, trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính.

c) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và phát triển đối tượng chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ thực hiện phân bổ dự toán chi theo lĩnh vực quản lý (nếu có), trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện phân bổ dự toán chi BHXH, BHTN, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT; tổng hợp và trình Giám đốc BHXH tỉnh xem xét, quyết định giao dự toán thu, chi cho BHXH huyện theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi năm kế hoạch.

## Mục 3

## ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI HẰNG NĂM

### Điều 13. Lập dự toán điều chỉnh

1. BHXH huyện

Trước ngày 20 tháng 8 hằng năm, căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi của đơn vị, lập dự toán điều chỉnh báo cáo Giám đốc BHXH tỉnh trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh dự toán thu, chi để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; gửi BHXH tỉnh.

2. BHXH tỉnh

2.1. Trước ngày 30 tháng 8 hằng năm, căn cứ tình hình thực hiện dự toán của đơn vị, Phòng Quản lý Thu, Phòng Chế độ BHXH, Phòng Giám định BHYT, Phòng công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và Phát triển đối tượng chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan, tổng hợp và lập dự toán điều chỉnh thuộc lĩnh vực quản lý, trình Lãnh đạo phụ trách lĩnh vực phê duyệt trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh dự toán thu, chi để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; gửi Phòng Kế hoạch – Tài chính.

2.2. Trước ngày 05 tháng 9 hằng năm, Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp và lập dự toán điều chỉnh thuộc lĩnh vực quản lý; tổng hợp và lập điều chỉnh dự toán thu, chi của BHXH tỉnh và trình Giám đốc BHXH tỉnh xem xét, quyết định; gửi văn bản báo cáo Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh dự toán thu, chi để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao (kèm theo dự toán điều chỉnh).

3. BHXH Việt Nam

3.1. Trước ngày 15 tháng 9 hằng năm, Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính – Kế toán, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm truyền thông tổng hợp và lập dự toán điều chỉnh thuộc lĩnh vực quản lý trong trường hợp cần thiết trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

3.2. Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán điều chỉnh của BHXH Việt Nam và trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định; gửi văn bản báo cáo Bộ Tài chính quyết định trong trường hợp Nhà nước ban hành chính sách, chế độ làm thay đổi dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

**Điều 14. Điều chỉnh dự toán thu, chi hằng năm**

I. BHXH Việt Nam

I.1. Điều chỉnh dự toán thu, chi theo Quyết định của cấp có thẩm quyền

a) Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản điều chỉnh dự toán thu, chi của Bộ Tài chính, Ban Thu thực hiện điều chỉnh dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có) và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản điều chỉnh dự toán thu, chi của Bộ Tài chính, Ban Thực hiện chính sách BHYT thực hiện điều chỉnh dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có) và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản điều chỉnh dự toán thu, chi của Bộ Tài chính, Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện điều chỉnh dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực

hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có) và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản điều chỉnh dự toán thu, chi của Bộ Tài chính, Trung tâm CNTT và Trung tâm truyền thông thực hiện điều chỉnh dự toán và xây dựng nội dung chi theo lĩnh vực quản lý và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư và Vụ Tài chính- Kế toán.

e) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản điều chỉnh dự toán thu, chi của Bộ Tài chính, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi cho BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, đơn vị sự nghiệp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Cục Việc làm theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi những tháng cuối năm kế hoạch (nếu có).

1.2. Điều chỉnh dự toán thu, chi trong trường hợp không làm thay đổi dự toán thu, chi được Thủ tướng Chính phủ giao

a) Trước ngày 10 tháng 9 hằng năm, Ban Thu tổng hợp và điều chỉnh dự toán theo theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có) và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trước ngày 15 tháng 9 hằng năm, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính - Kế toán tổng hợp và điều chỉnh dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có) và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Trước ngày 15 tháng 9 hằng năm, Trung tâm CNTT tổng hợp và điều chỉnh dự toán và xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán chi ứng dụng CNTT (nếu có) và trình Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

e) Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm, Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi cho BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, đơn vị sự nghiệp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Cục Việc làm theo mẫu biểu

tại Điều 17 Quy trình này; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi những tháng cuối năm kế hoạch (nếu có).

2. BHXH tỉnh

a) Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Quản lý thu thực hiện điều chỉnh dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có), trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Giám định BHYT, Phòng Kế hoạch - Tài chính.

b) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Giám định BHYT chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ thực hiện điều chỉnh dự toán theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này, xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện dự toán thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có), trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính.

c) Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng CNTT và Phòng Truyền thông và phát triển đối tượng chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ thực hiện điều chỉnh dự toán chi theo lĩnh vực quản lý(nếu có), trình Lãnh đạo phụ trách phê duyệt; gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp và trình Giám đốc BHXH tỉnh xem xét, quyết định giao điều chỉnh dự toán thu, chi cho BHXH huyện theo mẫu biểu tại Điều 17 Quy trình này; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi những tháng cuối năm kế hoạch (nếu có).

## Mục 4

## CÔNG KHAI DỰ TOÁN

### Điều 15. Công khai dự toán

1. Công khai dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt và phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung (nếu có).

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi (quý, 6 tháng, năm).

3. BHXH Việt Nam quy định chi tiết về công khai dự toán tại Quyết định số 2949/QĐ-BHXH ngày 4/12/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

## Mục 5

## HỆ THỐNG MẪU BIỂU

**Điều 16. Chế độ báo cáo**

1. Báo cáo dự toán thu, chi và các văn bản liên quan đến dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm gửi theo đúng thời gian quy định tại Quy trình này; đảm bảo số liệu thống nhất; có đầy đủ mẫu biểu, thuyết minh, chữ ký, đóng dấu theo quy định. Báo cáo dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm do BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, đơn vị sự nghiệp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động- thương binh và xã hội lập và gửi về BHXH Việt Nam theo quy định tại Quy trình này là căn cứ để BHXH Việt Nam giao dự toán.

2. Phương thức gửi báo cáo

2.1. Các đơn vị gửi Báo cáo dự toán thu, chi, các văn bản liên quan đến dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm về BHXH Việt Nam cho các đơn vị sau:

- Ban Thu: Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT; Kế hoạch phát triển đối tượng BHXH, BHTN, BHYT; Dự toán chi hỗ trợ công tác thu, chi thù lao cho đại lý thu, chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn; Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực thu qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ mail: banthu@vss.gov.vn.

- Ban Thực hiện chính sách BHYT: Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ mail: banthcsbhyt@vss.gov.vn.

- Vụ Tài chính- Kế toán: Dự toán chi BHXH, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT; Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm thuộc lĩnh vực chi BHXH, BHTN, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ mail: vutckt@vss.gov.vn.

- Vụ Tổ chức- cán bộ: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm kế hoạch qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ mail: vutccb@vss.gov.vn.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: Kế hoạch và dự toán chi ứng dụng CNTT qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ mail: ttcntt@vss.gov.vn.

- Trung tâm Truyền thông: Kế hoạch và dự toán chi tuyên truyền qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ mail: tttruyenthong@vss.gov.vn

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm; qua đường công văn và thư điện tử theo địa chỉ email: khth.khdt@vss.gov.vn hoặc vukhdt@vss.gov.vn

2.2. Báo cáo theo phương thức giao dịch điện tử khi BHXH Việt Nam triển khai thực hiện.

**Điều 17. Hệ thống mẫu biểu**

Hệ thống mẫu biểu dự toán thu, chi được quy định cụ thể tại 05 phụ lục danh mục mẫu ban hành kèm theo, cụ thể:

**1. Phụ lục số 01:** Danh mục mẫu biểu lập dự toán thu, chi hằng năm

*Trong đó:*

- **Phụ lục số 01A:** gồm 16 mẫu biểu áp dụng cho BHXH tỉnh, BHXH huyện, Văn phòng BHXH Việt Nam, đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam.

- **Phụ lục số 01B:** gồm 05 mẫu biểu áp dụng cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân.

- **Phụ lục số 01C:** gồm 02 mẫu biểu áp dụng cho Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

**2. Phụ lục số 02:** Danh mục mẫu biểu tổng hợp và lập dự toán thu, chi tại BHXH Việt Nam

Gồm 14 mẫu biểu áp dụng cho các đơn vị nghiệp vụ thuộc BHXH Việt Nam báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách, gửi đơn vị liên quan (nếu có) và Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trong đó:

- Ban Thu: Mẫu biểu số 01, 02

- Vụ Tài chính Kế toán: Mẫu số 03, 04, 05, 06

- Ban Thực hiện chính sách BHYT: Mẫu biểu số 07, 08

- Vụ Tổ chức cán bộ: Mẫu biểu số 09, 10

- Ban Thực hiện chính sách BHYT: Mẫu biểu số 11, 12, 13

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: Mẫu biểu số 14

Ngoài ra, căn cứ vào các mẫu biểu quy định tại phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này, Vụ Kế hoạch và Đầu tư và Vụ Quản lý Đầu tư quỹ có trách nhiệm thực hiện tổng hợp dự toán thu, chi của Ngành theo hệ thống mẫu biểu quy định tại Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 3/2/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm. Trong đó:

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các mẫu: 01, 02, 03, 04, 05

- Vụ Quản lý Đầu tư quỹ thực hiện mẫu 06

**3. Phụ lục số 03:** Danh mục mẫu biểu lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

Gồm 03 mẫu biểu dùng chung cho các đơn vị thuộc đối tượng quy định phải lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

**4. Phụ lục số 04:** Danh mục mẫu biểu báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

Gồm 03 mẫu biểu dùng chung cho các đơn vị thuộc đối tượng quy định phải lập báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

**5. Phụ lục số 05:** Danh mục mẫu biểu về thông báo số kiểm tra, giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh.

Gồm 13 mẫu biểu dùng cho BHXH tỉnh và các đơn vị nghiệp vụ thuộc BHXH Việt Nam.

**Điều 18. Danh mục hồ sơ liên quan đến công tác lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi hằng năm và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm**

**1. Tại BHXH Việt Nam**

**1.1 Tại Vụ Kế hoạch và đầu tư**

a) Quyết định ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của các đơn vị, Quyết định ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của BHXH Việt Nam;

b) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan năm trước;

c) Văn bản hướng dẫn lập và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

d) Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm của các đơn vị, Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của BHXH Việt Nam;

đ) Quyết định phân bổ dự toán thu, chi năm kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc;

e) Văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi năm kế hoạch;

h) Dự toán và phương án phân bổ dự toán thu, chi theo từng lĩnh vực do Ban Thu, Ban Chính sách BHYT, Vụ Tài chính- Kế toán, Trung tâm Công nghệ thông tin gửi để tổng hợp trình Tổng Giám đốc xem xét, quyết định.

g) Quyết định công khai phân bổ dự toán thu, chi năm kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc các đơn vị và của BHXH Việt Nam; Quyết định công khai tình hình thực hiện dự toán định kỳ theo quy định của các đơn vị và của BHXH Việt Nam; Báo cáo tình hình thực hiện công khai của BHXH Việt Nam gửi Bộ Tài chính;

i) Văn bản gửi Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan về dự toán thu, chi của BHXH Việt Nam;

k) Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của đơn vị.

l) Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm của các đơn vị.

**1.2 Hồ sơ lưu tại Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Đầu tư quỹ, Vụ Tài chính- Kế toán, Trung tâm Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin.**

a) Dự toán của các đơn vị trực thuộc theo từng lĩnh vực;

b) Phiếu trình, tờ trình có ý kiến phê duyệt của Lãnh đạo ngành phụ trách về việc lập dự toán, phân bổ dự toán (kể cả dự toán điều chỉnh và phân bổ dự toán điều chỉnh) theo từng lĩnh vực kèm theo mẫu biểu tổng hợp theo quy định tại Điều 15 quy trình này.

**2. Tại BHXH tỉnh**

**2.1 Tại phòng Kế hoạch tài chính**

a) Quyết định ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của các đơn vị, Quyết định ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của BHXH tỉnh;

b) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo BHXH Việt Nam năm trước;

c) Văn bản hướng dẫn lập và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

d) Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm của các đơn vị, Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của BHXH tỉnh;

đ) Quyết định phân bổ dự toán thu, chi năm kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc;

e) Văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi năm kế hoạch;

h) Dự toán và phương án phân bổ dự toán thu, chi theo từng lĩnh vực do Phòng Thu, Phòng Giám định BHYT , Phòng Công nghệ thông tin gửi để tổng hợp trình Giám đốc tỉnh xem xét, quyết định.

g) Quyết định công khai phân bổ dự toán thu, chi năm kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc các đơn vị và của BHXH tỉnh; Quyết định công khai tình hình thực hiện dự toán định kỳ theo quy định của các đơn vị và của BHXH tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện công khai của BHXH tỉnh gửi BHXH Việt Nam;

i) Văn bản gửi BHXH Việt Nam về dự toán thu, chi của BHXH tỉnh;

k) Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của đơn vị.

l) Dự toán thu, chi năm kế hoạch và kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm của các đơn vị.

**1.2 Hồ sơ lưu tại Phòng Quản lý Thu, Phòng Chế độ BHXH, Phòng Giám định BHYT, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và phát triển đối tượng.**

a) Dự toán của các đơn vị trực thuộc theo từng lĩnh vực;

b) Phiếu trình, tờ trình có ý kiến phê duyệt của Lãnh đạo phụ trách về việc lập dự toán, phân bổ dự toán (kể cả dự toán điều chỉnh và phân bổ dự toán điều chỉnh) theo từng lĩnh vực kèm theo mẫu biểu tổng hợp theo quy định tại Điều 17 quy trình này.

c) Dự toán và phương án phân bổ dự toán thu, chi theo từng lĩnh vực do Phòng Thu, Phòng Giám định BHYT, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Truyền thông và phát triển đối tượng gửi để tổng hợp trình Giám đốc tỉnh xem xét, quyết định.

## Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Các đơn vị quy định tại Điều 2 Quy trình này trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Quy trình; thực

hiện công khai, báo cáo kết quả phân bổ và giao dự toán thu, chi hằng năm theo quy định.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH tỉnh, Thủ trưởng cơ quan BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Thủ trưởng Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung Quy trình.

3. Giao Vụ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Quy trình; tổng hợp vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, giải quyết.

4. Trường hợp các điều khoản, văn bản tham chiếu thực hiện tại Quy trình này được bổ sung, thay thế bằng điều khoản, văn bản mới thì áp dụng theo điều khoản, văn bản thay thế, bổ sung.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo BHXH Việt Nam xem xét, giải quyết./.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Đào Việt Ánh**

# HỆ THỐNG MẪU BIỂU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1468 /2019/QĐ-BHXH ngày 14/12/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

| TT | | Tên phụ lục | Số lượng |
|---|---|---|---|
| **Phụ lục số 1** | : | **Lập dự toán thu - chi hằng năm**<br>*(Dùng cho BHXH huyện, BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động, thương binh- xã hội)* | 23 biểu |
| **Phụ lục số 2** | : | **Tổng hợp và lập dự toán thu, chi tại BHXH Việt Nam**<br>*(Dùng cho Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Ban Thực hiện chính sách BHXH, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ Quản lý đầu tư quỹ,Vụ Kế hoạch và Đầu tư)* | 14 biểu |
| **Phụ lục số 3** | : | **Lập kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm**<br>*(Dùng cho các đơn vị)* | 03 biểu |
| **Phụ lục số 4** | : | **Lập Báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm**<br>*(Dùng cho các đơn vị)* | 03 biểu |
| **Phụ lục số 5** | : | **Thông báo số kiểm tra, giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh.**<br>*(Dùng cho BHXH tỉnh, Ban Thu, Ban THCS BHYT, Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư)* | 13 biểu và 03 mẫu |

# PHỤ LỤC SỐ 1
# MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN THU, CHI

*(Dùng cho BHXH huyện, BHXH tỉnh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động- thương binh và xã hội)*

**PHỤ LỤC SỐ 1A** — ***Dùng cho BHXH huyện, BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp trực BHXH Việt Nam***

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Chỉ tiêu cơ sở xây dựng dự toán thu, chi |
| Mẫu biểu số 02 | : | Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi |
| Mẫu biểu số 03 | : | Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 04 | : | Dự toán chi BHXH, BHTN |
| Mẫu biểu số 05A | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT (*Dùng cho BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*) |
| Mẫu biểu số 05B | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT *(Dùng cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân )* |
| Mẫu biểu số 05C | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại từng cơ sở y tế |
| Mẫu biểu số 06 | : | Dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 06A | : | Chi tiết dự toán chi công tác tuyên truyền |
| Mẫu biểu số 06B | : | Chi tiết dự toán chi hỗ trợ công tác thu, chi thù lao đại lý thu và chi hỗ trợ ủy ban nhân dân xã, phương, thị trấn để thực hiện lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn |
| Mẫu biểu số 06C | : | Đề xuất nhu cầu mua sắm tập trung |
| Mẫu biểu số 06D | : | Đề xuất nhu cầu mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc thường xuyên |
| Mẫu biểu số 06E | : | Dự toán chi hoạt động khoa học |
| Mẫu biểu số 06G | : | Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ |
| Mẫu biểu số 07 | : | Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin |
| Mẫu biểu số 08 | : | Dự toán chi đầu tư phát triển |

**PHỤ LỤC SỐ 1B** — ***Dùng cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân***

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi của BHXH…năm… |
| Mẫu biểu số 02 | : | Chi tiết dự toán thu, chi BHXH |
| Mẫu biểu số 03 | : | Dự toán thu, chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT |
| Mẫu biểu số 04 | : | Chi tiết dự toán thu, chi BHTN |
| Mẫu biểu số 05 | : | Chi tiết dự toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN |

**PHỤ LỤC SỐ 1C** — ***Dùng cho cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động- thương binh xã hội***

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Tổng hợp tình hình thực hiện chính sách BHTN năm… |
| Mẫu biểu số 02 | : | Chi tiết dự toán chi phí quản lý BHTN, BH TNLĐ- BNN năm.. |

# PHỤ LỤC SỐ 1B
# MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN THU, CHI

***(Dùng cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân)***

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi của BHXH...năm... |
| Mẫu biểu số 02 | : | Chi tiết dự toán thu, chi BHXH |
| Mẫu biểu số 03 | : | Dự toán thu, chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT |
| Mẫu biểu số 04 | : | Chi tiết dự toán thu, chi BHTN |
| Mẫu biểu số 05 | : | Chi tiết dự toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN |

Đơn vị .....

Phụ lục 1b- Mẫu biểu số 01

# TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU
# DỰ TOÁN THU, CHI CỦA.....NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm... (năm trước) | Năm ..... (năm hiện hành) | | | | Dự kiến năm.... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Dự toán được giao | Ước thực hiện cả năm | ƯTH | | Dự kiến (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7=6-3 | 8=6:3 |
| I | **TỔNG SỐ THU** | | | | | | | | |
| 1 | Thu tiền đóng theo chế độ quy định | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm TNLĐ - BNN | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| | + BHYT người LĐ và TNQN... | | | | | | | | |
| | + BHYT của quân nhân | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| 2 | Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ | | | | | | | | |
| II | **TỔNG SỐ CHI** | | | | | | | | |
| 1 | Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |
| | - Nguồn quỹ BHXH bảo đảm | | | | | | | | |
| | - Nguồn NSNN bảo đảm | | | | | | | | |
| 2 | Chi các chế độ bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| | - BHYT người LĐ và TNQN | | | | | | | | |
| | - BHYT của quân nhân | | | | | | | | |
| 3 | Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| 4 | Chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT | | | | | | | | |

*....., ngày .....tháng.....năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Chỉ tiêu 1- I : Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 03
- Chỉ tiêu 2 - I: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 03
- Chỉ tiêu 1-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 04
- Chỉ tiêu 2-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 05
- Chỉ tiêu 3-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 04
- Chỉ tiêu 4-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 06, Mẫu biểu số 07, Mẫu biểu số 8
- Cột 1: Ghi số liệu báo cáo quyết toán tại thời điểm lập
- Cột 2: Ghi số liệu dự toán theo Quyết định giao của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam
- Cột 3,Cột 4: Ước thực hiện trên cơ sở số liệu báo cáo thống kê của đơn vị

BẢO HIỂM XÃ HỘI BỘ QUỐC PHÒNG

Phụ lục 01b- Mẫu biểu số 02

# CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM ...

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.....(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế | | | Thực hiện năm.....(năm | Ước thực hiện năm | Dự kiến năm ....(năm kế | | |
| | | | | Dự kiến năm ... (năm KH) | (Năm KH) | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| **A** | **THU BẢO HIỂM XÃ HỘI** | | | | | | | | | | |
| **I** | **Thu BHXH bắt buộc** | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền đóng theo quy định | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH | | | | | | | | | | |
| **II** | **Thu BHXH tự nguyện** | | | | | | | | | | |
| **B** | **CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI** | | | | | | | | | | |
| **I** | **Nguồn NSNN bảo đảm** | | | | | | | | | | |
| **II** | **Nguồn quỹ BHXH bảo đảm** | | | | | | | | | | |
| **A** | **Quỹ ốm đau, thai sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | Ốm đau | | | | | | | | | | |
| 2 | Thai sản | | | | | | | | | | |
| 3 | Dưỡng sức phục hồi sức khỏe | | | | | | | | | | |
| 4 | BHYT cho các đối tượng | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Người LĐ hưởng chế độ thai sản | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Người LĐ ốm đau dài ngày | | | | | | | | | | |
| **B** | **Quỹ hưu trí, tử tuất** | | | | | | | | | | |
| **I** | **Chi BHXH bắt buộc hàng tháng** | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Hưu quân đội | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Hưu viên chức | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Trợ cấp cán bộ xã | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Trợ cấp tuất định suất cơ bản | | | | | | | | | | |
| 1.5 | Trợ cấp tuất định suất nuôi dưỡng | | | | | | | | | | |
| **2** | **Chi BHXH bắt buộc một lần** | | | | | | | | | | |
| 2.1 | BHXH một lần | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.....(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế | | | Thực hiện năm.....(năm | Ước thực hiện năm | Dự kiến năm ....(năm kế | | |
| | | | | Dự kiến năm ... (năm KH) | (Năm KH) | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 2.4 | Trợ cấp tuất 1 lần | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Trợ cấp khu vực 1 lần | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Phí giám định mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | |
| **3** | **Chi BHXH tự nguyện** | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Lương hưu | | | | | | | | | | |
| 3.2 | BHXH một lần | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | |
| 3.4 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | |
| 3.5 | Trợ cấp tuất 1 lần | | | | | | | | | | |
| **4** | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Người hưởng lương hưu | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp hàng tháng | | | | | | | | | | |
| **C** | **Quỹ TNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | |
| **1** | **Hàng tháng** | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Trợ cấp người phụ vụ đối tượng bị TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | |
| **2** | **Trợ cấp một lần** | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp 1 lần khi chết do TNLĐ | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Dưỡng sức phục hồi sức khỏe | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Phương tiện trợ giúp SH, DCCH | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Giám định thương tật, bệnh tật | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro | | | | | | | | | | |
| 2.7 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | | | | | | | | | | |
| 2.8 | Phí giám định th/tật, bệnh tật, mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | |
| **3** | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | |

*....., ngày .....tháng..... năm .....*

| Người lập biểu | TP. Quản lý thu | TP. Kế hoạch - Tài chính | TP. Chế độ BHXH | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.....(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế | | | Thực hiện năm.....(năm | Ước thực hiện năm | Dự kiến năm ....(năm kế | | |
| | | | | Dự kiến năm ... (năm KH) | (Năm KH) | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 1, cột 7: Ghi số người hưởng bình quân năm trước và số tiền quyết toán năm trước (số quyết toán).
- Cột 2, cột 8: Ghi số người hưởng bình quân và số tiền chi 6 tháng đầu năm hiện hành
- Cột 3, cột 9: Ghi số ước thực hiện số người hưởng bình quân, số chi năm hiện hành trên cơ sở số liệu thực hiện 6 tháng đầu năm của đơn vị
- Cột 4, cột 10: Ghi số dự kiến số người hưởng bình quân, số chi năm kế hoạch trên cơ sở số liệu thực hiện năm trước và năm hiện hành (tốc độ tăng,

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1b- Mẫu biểu số 03

# DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM.....

*(Dùng cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân)*

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm .....(năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| I | **Số người tham gia BHYT** | | | | | |
| II | **Số thu BHYT** | | | | | |
| III | **Quỹ KCB BHYT (90%số** | | | | | |
| IV=1....+5 | **Dự toán chi KCB BHYT tại tỉnh của Nghị định 146** | | | | | |
| 1 | Chi CSSK ban đầu | | | | | |
| *1.1* | *HSSV* | | | | | |
| *1.2* | *Trẻ em dưới 6 tuổi* | | | | | |
| *1.3* | *Y tế cơ quan* | | | | | |
| 2 | Chi thanh toán trực tiếp | | | | | |
| 3 | Chi KCB phát sinh tại cơ sở y tế | | | | | |
| 4 | Chi kết dư định suất | | | | | |
| 5 | 20% kết dư của BHXH tỉnh được sử dụng | | | | | |
| V | **Dự toán chi KCB BHYT tại tỉnh của Nghị định 70** | | | | | |
| 1 | Chi quân y đơn vị, y tế cơ quan (10% số thu) | | | | | |
| 2 | Chi KCB phát sinh tại cơ sở y tế | | | | | |
| 3 | Kết dư được sử dụng | | | | | |
| VI | Tổng dự toán tại tỉnh | | | | | |

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

| Người lập biểu | TP. Giám định BHYT | TP. Kế hoạch - Tài chính | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
**BẢO HIỂM XÃ HỘI BỘ QUỐC PHÒNG**

**Phụ lục 1b-Mẫu biểu số 04**

# DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP NĂM....

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm | Ước thực hiện năm | Dự kiến năm ....(năm | | | Thực hiện năm... ..(năm | Ước thực hiện năm | Dự kiến năm ... | | |
| | | | | Dự kiến năm | Năm KH | | | | Dự kiến năm | Năm KH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| **I** | **Số thu bảo hiểm thất nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền đóng theo quy định | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN | | | | | | | | | | |
| **II** | **Số chi bảo hiểm thất nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 1 | BHYT cho các đối tượng | | | | | | | | | | |
| 2 | Trợ cấp thất nghiệp | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm | | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ học nghề | | | | | | | | | | |
| 5 | Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động | | | | | | | | | | |

*……, ngày…… tháng……năm ……*

**Người lập biểu** *(Ký, họ tên)*

**TP. Kế hoạch - Tài chính** *(Ký, họ tên)*

**TP. Chế độ BHXH** *(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 1, cột 7: Ghi số người hưởng bình quân năm trước và số tiền quyết toán năm trước (số quyết toán).
- Cột 2, cột 8: Ghi số người hưởng bình quân và số tiền chi 6 tháng đầu năm hiện hành
- Cột 3, cột 9: Ghi số ước thực hiện số người hưởng bình quân, số chi năm hiện hành trên cơ sở số liệu thực hiện 6 tháng đầu năm của đơn vị
- Cột 4, cột 10: Ghi số dự kiến số người hưởng bình quân, số chi năm kế hoạch trên cơ sở số liệu thực hiện năm trước và năm hiện hành (tốc độ tăng, giảm số người hưởng; mức chi bình quân); tình hình đặc thù của địa phương và tác động thay đổi của chế độ, chính sách của nhà nước (nếu có đề nghị thuyết minh rõ).

BẢO HIỂM XÃ HỘI BỘ QUỐC PHÒNG

Phụ lục 1b-Mẫu biểu số 05

# DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT NĂM ...

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| 1 | **Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật** | | | | | |
| 2 | **Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ** | | | | | |
| 3 | **Cải cách thủ tục hành chính** | | | | | |
| 3.1 | Chi giao nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính | | | | | |
| 3.2 | Xây dựng và vận hành giao dịch điện tử | | | | | |
| 3.3 | Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 | | | | | |
| 3.4 | Chi trả phí thuê bao đường truyền | | | | | |
| 3.5 | Chi hỗ trợ công tác nhập cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT, tạo lập cơ sở dữ liệu, kiểm tra dữ liệu tạo lập ban đầu và nhập thông tin của đối tượng, hộ gia đình tăng, giảm hàng năm | | | | | |
| 3.6 | Rà soát sổ BHXH để trả cho người lao động | | | | | |
| 3.7 | Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ, quy trình nghiệp vụ | | | | | |
| 4 | **Công tác quản lý người tham gia, người thụ hưởng** | | | | | |
| 4.1 | Chi hỗ trợ UBND xã, phường, thị trấn lập danh sách tham gia BHYT | | | | | |
| 4.2 | Chi phí làm sổ BHXH, thẻ BHYT | | | | | |
| 4.3 | Chi bảo quản, lưu trữ hồ sơ người tham gia, người thụ hưởng | | | | | |
| 4.4 | Chi hỗ trợ công chức, viên chức tham gia quản lý người tham gia, người thụ hưởng | | | | | |
| 5 | **Công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ** | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| 5.1 | Chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình, của HSSV đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống GDQD | | | | | |
| 5.2 | Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN | | | | | |
| 5.3 | Lệ phí chuyển tiền trả cho KBNN, NHTM | | | | | |
| 5.4 | Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo | | | | | |
| 5.5 | Trang phục y tế cho giám định viên BHYT | | | | | |
| 5.6 | Chi hỗ trợ cước phí điện thoại cho một số chức danh và vị trí công tác | | | | | |
| 5.7 | Chi hoạt động phối hợp tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| **6** | **Chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát** | | | | | |
| 6.1 | Chi trang phục thanh tra, chế độ bồi dưỡng đối với người được giao nhiệm vụ thanh tra về đóng BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| 6.2 | Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích cá nhân, tập thể ngoài ngành phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi. | | | | | |
| 6.3 | Chi phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các hoạt động phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát | | | | | |
| 6.4 | Chi phí thi hành án, lệ phí cấp bản sao giấy tờ | | | | | |
| **7** | **Hoạt động của hội đồng quản lý BHXH Việt Nam** | | | | | |
| **8** | **Chi mua sắm hiện đại hóa hệ thống quản lý** | | | | | |
| 8.1 | Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và phục vụ công tác | | | | | |
| 8.2 | Mua xe ô tô | | | | | |
| 8.3 | Chi sửa chữa lớn trang thiết bị, phương tiện làm việc, trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ | | | | | |
| **9** | **Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp** | | | | | |
| **9.1** | **Chi thường xuyên** | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | - Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | | | | | |
| | - Chi quản lý hành chính | | | | | |
| | - Chi đảm bảo hoạt động của tổ chức Đảng đoàn thể và chế độ đối với cán bộ tự vệ theo chế độ quy định | | | | | |
| 9.2 | **Chi không thường xuyên** | | | | | |
| | - Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở | | | | | |
| | - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức theo chương trình của Nhà nước | | | | | |
| | - Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế | | | | | |
| | - Chi thực hiện tinh giản biên chế | | | | | |
| | - Chi điều động luân chuyển, biệt phái CCVC | | | | | |
| | - Chi phí thuê mướn; chi thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc | | | | | |
| | - Các khoản chi khác | | | | | |

*.....ngày .....tháng.....năm .....*

| Người lập biểu | Trưởng phòng KH-TC | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú**: ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 1 : Ghi số liệu quyết toán tại thời điểm lập dự toán
- Chỉ tiêu 4.1 biểu này tương ứng với Chỉ tiêu 2 của Mẫu biểu số 7b

- Chỉ tiêu 5.1 tại Mẫu biểu này tương ứng với Chỉ tiêu 3 của Mẫu biểu số 7b cộng với kinh phí chi đào tạo, tập huấn công tác thu, kiểm tra đại lý thu và điều chỉnh bổ sung hoặc giảm trừ kinh phí chi thù lao đại lý thu của năm trước theo mức chi điều chỉnh (nếu có)

- Chỉ tiêu gạch đầu dòng thứ nhất của nội dung 9.1: tính lương, phụ cấp lương 1,8 lần theo quy định
- Chỉ tiêu gạch đầu dòng thứ tư của nội dung 9.2: kinh phí giải quyết chế độ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

# PHỤ LỤC SỐ 1A
# MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN THU, CHI

***(Dùng cho BHXH huyện, BHXH tỉnh, Văn phòng BHXH Việt Nam và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam***

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Chỉ tiêu cơ sở xây dựng dự toán thu, chi |
| Mẫu biểu số 02 | : | Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi |
| Mẫu biểu số 03 | : | Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 04 | : | Dự toán chi BHXH, BHTN |
| Mẫu biểu số 05A | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT (*Dùng cho BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*) |
| Mẫu biểu số 05B | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại từng cơ sở y tế |
| Mẫu biểu số 06 | : | Dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 06A | : | Chi tiết dự toán chi công tác tuyên truyền |
| Mẫu biểu số 06B | : | Chi tiết dự toán chi hỗ trợ công tác thu, chi thù lao đại lý thu và chi hỗ trợ ủy ban nhân dân xã, phương, thị trấn để thực hiện lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn |
| Mẫu biểu số 06C | : | Đề xuất nhu cầu mua sắm tập trung |
| Mẫu biểu số 06D | : | Đề xuất nhu cầu mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc thường xuyên |
| Mẫu biểu số 06E | : | Dự toán chi hoạt động khoa học |
| Mẫu biểu số 06G | : | Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ |
| Mẫu biểu số 07 | : | Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin |
| Mẫu biểu số 08 | : | Dự toán chi đầu tư phát triển |

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 01

# CHỈ TIÊU CƠ SỞ XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI NĂM.....

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm..... (năm trước) | Năm.... (Năm hiện hành) | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
| 1 | **Dân số tại địa phương** | Người | | | |
| 2 | **Dân số trong độ tuổi lao động** | Người | | | |
| 3 | **Đơn vị hành chính** | | | | |
| 3.1 | Số huyện và tương đương | Huyện | | | |
| 3.2 | Số xã và tương đương | Xã | | | |
| 4 | **Số lượng doanh nghiệp tại địa phương** | Doanh nghiệp | | | |
| 5 | **Lương cơ sở** | Đồng/ tháng | | | |
| 6 | **Lương tối thiểu vùng** | Đồng/tháng | | | |
| 7 | **Biên chế được giao** | Người | | | |
| 7.1 | Cán bộ công chức, viên chức | Người | | | |
| 7.2 | Lao động hợp đồng NĐ 68/2000/NĐ-CP | Người | | | |
| 8 | **Biên chế có mặt trong chỉ tiêu biên chế đư** | Người | | | |
| 8.1 | Cán bộ công chức, viên chức | Người | | | |
| 8.2 | Lao động hợp đồng NĐ 68/2000/NĐ-CP | Người | | | |
| 9 | **Quỹ lương, phụ cấp và các khoản trích th** | Triệu đồng | | | |
| 10 | **Hệ số lương bình quân/tháng** | | | | |
| 11 | **Số lượng cơ sở KCB ký hợp đồng KCB B** | Cơ sở | | | |
| 11.1 | Cơ sở KCB thanh toán chi phí theo giá dịch | Cơ sở | | | |
| 11.2 | Cơ sở KCB thanh toán chi phí theo định suấ | Cơ sở | | | |
| 12 | **Số người hưởng trợ cấp BHTN** | Người | | | |

*...., ngày.....tháng.....năm.....*

**Trưởng phòng KH-TC**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Chỉ tiêu 1,2,3,4 theo thông báo của Cục Thống kê của từng địa phương
- Chỉ tiêu 5,6 theo quy định của nhà nước tại thời điểm lập dự toán
- Chỉ tiêu 7 theo quyết định giao của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam và của cấp có thẩm quy
- Chỉ tiêu 9 phản ánh số liệu thực tế tại đơn vị và hệ số tiền lương 1,8 (theo số biên chế có mặt hoặc theo định suất lao động được cấp có thẩm quyền giao)
- Chỉ tiêu 10 theo số liệu thực tế tại đơn vị hệ số lương bình quân/tháng của 1 người
- Cột 1: Ghi số liệu báo cáo quyết toán tại thời điểm đơn vị lập
- Cột 2, Cột 3: Ước số liệu trên cơ sở số liệu báo cáo thống kê của đơn vị

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 02

# TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU
# DỰ TOÁN THU, CHI CỦA.....NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm... (năm trước) | Năm ..... (năm hiện hành) | | | | Dự kiến năm.... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Dự toán được giao | Ước thực hiện cả năm | ƯTH so với dự toán giao | | Dự kiến (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7=6-3 | 8=6:3 |
| I | **TỔNG SỐ THU** | | | | | | | | |
| 1 | Thu tiền đóng theo chế độ quy định | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm TNLĐ - BNN | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| | - Thu bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| 2 | Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ | | | | | | | | |
| II | **TỔNG SỐ CHI** | | | | | | | | |
| 1 | Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội | | | | | | | | |
| | - Nguồn quỹ BHXH bảo đảm | | | | | | | | |
| | - Nguồn NSNN bảo đảm | | | | | | | | |
| 2 | Chi các chế độ bảo hiểm y tế | | | | | | | | |
| 3 | Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | | | |
| 4 | Chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT | | | | | | | | |

*..... ngày .....tháng.....năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***
- Chỉ tiêu 1- I : Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 03

- Chỉ tiêu 2 - I: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 03
- Chỉ tiêu 1-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 04
- Chỉ tiêu 2-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 05
- Chỉ tiêu 3-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 04
- Chỉ tiêu 4-II: Tổng hợp số liệu tại Mẫu biểu số 06, Mẫu biểu số 07, Mẫu biểu số 8
- Cột 1: Ghi số liệu báo cáo quyết toán tại thời điểm lập
- Cột 2: Ghi số liệu dự toán theo Quyết định giao của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam
- Cột 3,Cột 4: Ước thực hiện trên cơ sở số liệu báo cáo thống kê của đơn vị

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 03

# DỰ TOÁN THU BHXH, BHTN, BHYT

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| A | **BẢO HIỂM XÃ HỘI** | | | | | | | | | | |
| A1 | **Tiền đóng theo quy định** | | | | | | | | | | |
| I | **Bảo hiểm xã hội bắt buộc** | | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp nhà nước | | | | | | | | | | |
| 2 | DN có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | |
| 3 | DN ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | |
| 4 | Hành chính, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | |
| 5 | Sự nghiệp công lập | | | | | | | | | | |
| 6 | Cán bộ xã, phường, thị trấn | | | | | | | | | | |
| 7 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã | | | | | | | | | | |
| 8 | Hợp tác xã | | | | | | | | | | |
| 9 | Ngoài công lập | | | | | | | | | | |
| 10 | Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân | | | | | | | | | | |
| 11 | Lao động có thời hạn ở nước ngoài | | | | | | | | | | |
| 12 | Đối tượng tự đóng | | | | | | | | | | |
| 13 | Khác (tổ chức nước ngoài, quốc tế ) | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| **II** | **Bảo hiểm xã hội tự nguyện** | | | | | | | | | | |
| **III** | **Bảo hiểm TNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | |
| **A2** | **Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH** | | | | | | | | | | |
| **B** | **BẢO HIỂM Y TẾ** | | | | | | | | | | |
| **B1** | **Tiền đóng theo quy định** | | | | | | | | | | |
| **I** | **Người lao động và người SDLĐ đóng** | | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp nhà nước | | | | | | | | | | |
| 2 | DN có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | |
| 3 | DN ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | |
| 4 | Hành chính, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | |
| 5 | Sự nghiệp công lập | | | | | | | | | | |
| 6 | Cán bộ xã, phường, thị trấn | | | | | | | | | | |
| 7 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã | | | | | | | | | | |
| 8 | Hợp tác xã | | | | | | | | | | |
| 9 | Ngoài công lập | | | | | | | | | | |
| 10 | Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân | | | | | | | | | | |
| 11 | Doanh nghiệp LLVT | | | | | | | | | | |
| 12 | Khác | | | | | | | | | | |
| **II** | **Tổ chức BHXH đóng** | | | | | | | | | | |
| 1 | Hưu trí, trợ cấp mất sức lao động | | | | | | | | | | |
| 2 | Trợ cấp TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 3 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp BHXH | | | | | | | | | | |
| 4 | Ốm đau cần chữa trị dài ngày | | | | | | | | | | |
| 5 | Công nhân cao su | | | | | | | | | | |
| 6 | Nghỉ chế độ TS | | | | | | | | | | |
| 7 | Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp | | | | | | | | | | |
| 8 | Khác | | | | | | | | | | |
| III | **Ngân sách nhà nước đóng** | | | | | | | | | | |
| 1 | Người thôi hưởng trợ cấp MSLĐ | | | | | | | | | | |
| 2 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN | | | | | | | | | | |
| 3 | Người có công cách mạng | | | | | | | | | | |
| 4 | Thân nhân người có công | | | | | | | | | | |
| 5 | Người phục vụ người có công | | | | | | | | | | |
| 6 | Cựu chiến binh | | | | | | | | | | |
| 7 | Đại biểu Quốc hội, HĐND | | | | | | | | | | |
| 8 | Người tham gia kháng chiến | | | | | | | | | | |
| 9 | Trẻ em dưới 6 tuổi | | | | | | | | | | |
| 10 | Người hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội | | | | | | | | | | |
| 11 | Người đã hiến bộ phận cơ thể | | | | | | | | | | |
| 12 | Người thuộc hộ nghèo | | | | | | | | | | |
| 12.1 | Người nghèo đa chiều thiếu hụt BHYT | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 12.2 | Người nghèo đa chiều không thiếu hụt BHYT | | | | | | | | | | |
| 13 | Người DTTS vùng KK, đặc biệt KK | | | | | | | | | | |
| 14 | Người sống vùng đặc biệt KK | | | | | | | | | | |
| 15 | Người sống ở xã đảo, huyện đảo | | | | | | | | | | |
| 16 | Người làm công tác cơ yếu (bộ, ĐP) | | | | | | | | | | |
| 17 | Thân nhân Công an, cơ yếu | | | | | | | | | | |
| 18 | Người nước ngoài học tập tại VN | | | | | | | | | | |
| 19 | Người 80 tuổi đang hưởng TC tuất | | | | | | | | | | |
| 20 | Nghệ sĩ nhân dân, nghệ nhân ưu tú được nhà nước phong tặng thuộc HGD có mức thu nhập bình quân hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở | | | | | | | | | | |
| 21 | Khác | | | | | | | | | | |
| IV | **Đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ** | | | | | | | | | | |
| 1 | Học sinh, sinh viên | | | | | | | | | | |
| 2 | Người thuộc hộ gia đình cận nghèo | | | | | | | | | | |
| 3 | Hộ N-L-N-Dn có mức sống TB | | | | | | | | | | |
| 4 | Khác | | | | | | | | | | |
| V | **Hộ gia đình** | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| VI | **Nhóm do người sử dụng lao động đóng** | | | | | | | | | | |
| B2 | **Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT** | | | | | | | | | | |
| C | **BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | | | | | | | | | | |
| C1 | **Tiền đóng theo quy định** | | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp nhà nước | | | | | | | | | | |
| 2 | DN có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | |
| 3 | DN ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | |
| 4 | Hành chính, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | |
| 5 | Sự nghiệp công lập | | | | | | | | | | |
| 6 | Cán bộ xã, phường, thị trấn | | | | | | | | | | |
| 7 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã | | | | | | | | | | |
| 9 | Hợp tác xã | | | | | | | | | | |
| 10 | Ngoài công lập | | | | | | | | | | |
| 11 | Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân | | | | | | | | | | |
| 12 | Khác (tổ chức nước ngoài, quốc tế ) | | | | | | | | | | |
| C2 | **Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN** | | | | | | | | | | |
| D | **Tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN** | | | | | | | | | | |
| 1 | Đơn vị sử dụng lao động nợ *(nợ từ 6 tháng trở lên)* | | | | | | | | | | |
| 2 | Ngân sách nhà nước chưa trả | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| E | Một số chỉ tiêu đánh giá | | | | | | | | | | |
| 1 | Dân số | | | | | | | | | | |
| 2 | Lực lượng lao động | | | | | | | | | | |
| 3 | Số người tham gia BHXH so với LLLĐ (%) | | | | | | | | | | |
| 4 | Số người tham gia BHTN so với LLLĐ (%) | | | | | | | | | | |
| 5 | Số người tham gia BHYT so với dân số (%) | | | | | | | | | | |

*..... ngày .....tháng..... năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. Quản lý thu**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 1, cột 7: Ghi số liệu quyết toán của đơn vị tại thời điểm lập dự toán
- Cột 2, cột 3, cột 8, cột 9: Ước thực hiện trên cơ sở số liệu báo cáo thống kê của đơn vị
- Chỉ tiêu 1,2 ở mục D: cột 1, cột 7 theo số báo cáo thống kê tại Biểu số 01T/BCN-KHĐT (Quyết định 456); cột 2, cột 3, cột 8, cột 9 ước trên cơ sở số liệu thống kê của đơn vị
- Chỉ tiêu 1, 2 ở mục E: theo thông báo của Cục thống kê của địa phương

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1-Mẫu biểu số 04

# DỰ TOÁN CHI BHXH, BHTN NĂM....

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm... ..(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| | **TỔNG SỐ CHI** | | | | | | | | | | |
| I | **Nguồn NSNN bảo đảm** | | | | | | | | | | |
| 1 | **Hàng tháng** | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Hưu quân đội | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Hưu viên chức | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Trợ cấp công nhân cao su | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Trợ cấp mất sức lao động | | | | | | | | | | |
| 1.5 | Trợ cấp 91 | | | | | | | | | | |
| 1.6 | Trợ cấp TNLĐ- BNN | | | | | | | | | | |
| 1.7 | Trợ cấp người phục vụ đối tượng bị TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | |
| 1.8 | Trợ cấp tuất định suất cơ bản | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm... ..(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 1.9 | Trợ cấp tuất định suất nuôi dưỡng | | | | | | | | | | |
| 1.10 | Trợ cấp 613 | | | | | | | | | | |
| 2 | **Trợ cấp một lần** | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp tuất một lần | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Trợ cấp phương tiện trợ giúp SH, DCCH | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Trợ cấp QĐ 52 | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Phí giám định mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Trợ cấp khu vực 1 lần | | | | | | | | | | |
| 2.7 | Khác | | | | | | | | | | |
| 3 | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Hưu trí, mất sức lao động | | | | | | | | | | |
| 3.2 | TNLĐ-BNN, công nhân cao su | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Trợ cấp Quyết định 613/QĐ-TTg | | | | | | | | | | |
| II | **Nguồn quỹ BHXH bảo đảm** | | | | | | | | | | |
| A | **Quỹ ốm đau, thai sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | Ốm đau | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm... ..(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 2 | Thai sản | | | | | | | | | | |
| 3 | Dưỡng sức phục hồi sức khỏe | | | | | | | | | | |
| 4 | BHYT cho các đối tượng | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Người LĐ hưởng chế độ thai sản | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Người LĐ ốm đau dài ngày | | | | | | | | | | |
| **B** | **Quỹ hưu trí, tử tuất** | | | | | | | | | | |
| **1** | **Chi BHXH bắt buộc hàng tháng** | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Hưu quân đội | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Hưu viên chức | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Trợ cấp cán bộ xã | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Trợ cấp tuất định suất cơ bản | | | | | | | | | | |
| 1.5 | Trợ cấp tuất định suất nuôi dưỡng | | | | | | | | | | |
| **2** | **Chi BHXH bắt buộc một lần** | | | | | | | | | | |
| 2.1 | BHXH một lần | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Trợ cấp tuất 1 lần | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm... ..(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 2.5 | Trợ cấp khu vực 1 lần | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Phí giám định mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | |
| 3 | **Chi BHXH tự nguyện** | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Lương hưu | | | | | | | | | | |
| 3.2 | BHXH một lần | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | |
| 3.4 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | |
| 3.5 | Trợ cấp tuất 1 lần | | | | | | | | | | |
| 4 | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Người hưởng lương hưu | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp hàng tháng | | | | | | | | | | |
| C | **Quỹ TNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | |
| I | **Hàng tháng** | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Trợ cấp người phụ vụ đối tượng bị TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | |
| 2 | **Trợ cấp một lần** | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |
| 2.2 | Trợ cấp 1 lần khi chết do TNLĐ | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Dưỡng sức phục hồi sức khỏe | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Phương tiện trợ giúp SH, DCCH | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Giám định thương tật, bệnh tật | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro | | | | | | | | | | |
| 2.7 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | | | | | | | | | | |
| 2.8 | Phí giám định th/tật, bệnh tật, mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | |
| 3 | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | |
| **III** | **BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | | | | | | | | | | |
| 1 | BHYT cho các đối tượng | | | | | | | | | | |
| 2 | Trợ cấp thất nghiệp | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm | | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ học nghề | | | | | | | | | | |
| 5 | Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm... ..(năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7 | 8 | 9=8-7 | 10=8:7 |

*....., ngày..... tháng.....năm .....*

**Người lập biểu** *(Ký, họ tên)*

**TP. Kế hoạch - Tài chính** *(Ký, họ tên)*

**TP. Chế độ BHXH** *(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú**: ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 1, cột 7: Ghi số người hưởng bình quân năm trước và số tiền quyết toán năm trước (số quyết toán).
- Cột 2, cột 8: Ghi số người hưởng bình quân và số tiền chi 6 tháng đầu năm hiện hành
- Cột 3, cột 9: Ghi số ước thực hiện số người hưởng bình quân, số chi năm hiện hành trên cơ sở số liệu thực hiện 6 tháng đầu năm của đơn vị
- Cột 4, cột 10: Ghi số dự kiến số người hưởng bình quân, số chi năm kế hoạch trên cơ sở số liệu thực hiện năm trước và năm hiện hành (tốc độ tăng, giảm số người hưởng; mức chi bình quân); tình hình đặc thù của địa phương và tác động thay đổi của chế độ, chính sách của nhà nước (nếu có đề nghị thuyết minh rõ).

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

**Phụ lục 1- Mẫu biểu số 05a**

# DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM.....

*(Áp dụng cho BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm..... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm .....(năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| I | **Số người tham gia BHYT** | | | | | |
| II | **Số thu BHYT** | | | | | |
| III | **Quỹ KCB BHYT (90%số thu)** | | | | | |
| IV=1....+5 | **Dự toán chi KCB BHYT tại tỉnh của Nghị định 146** | | | | | |
| 1 | Chi CSSK ban đầu | | | | | |
| *1.1* | *HSSV* | | | | | |
| *1.2* | *Trẻ em dưới 6 tuổi* | | | | | |
| *1.3* | *Y tế cơ quan* | | | | | |
| 2 | Chi thanh toán trực tiếp | | | | | |
| 3 | Chi KCB phát sinh tại cơ sở y tế | | | | | |
| 4 | Chi kết dư định suất | | | | | |
| 5 | 20% kết dư của BHXH tỉnh được sử dụng | | | | | |
| V | **Dự toán chi KCB BHYT tại tỉnh của Nghị định 70** | | | | | |
| VI | **Tổng dự toán tại tỉnh** | | | | | |

*..... ngày.....tháng.....năm.....*

| Người lập biểu | TP. Giám định BHYT | TP. Kế hoạch - Tài chính | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú: Hướng dẫn lập biểu**

- Chỉ tiêu I (số người tham gia BHYT), chỉ tiêu II (Số thu BHYT) lấy theo chỉ tiêu B- Biểu mẫu số 03

- Chỉ tiêu III: Quỹ BHYT thực hiện năm trước lấy theo báo cáo quyết toán năm trước, quỹ BHYT năm hiện hành - 90%* số thu được sử dụng trong năm
- Cột 1: Ghi số liệu quyết toán tại thời điểm lập dự toán

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục số 01- Mẫu biểu số 05b

# DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT TẠI TỪNG CƠ SỞ Y TẾ NĂM .....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Số TT | Chỉ tiêu | Mã cơ sở y tế | Số thực hiện năm trước | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng cộng | Trong đó | | | | | | | | | |
| | | | | | | *Tổng cộng* | Các yếu tố tăng | | | | *Tổng cộng* | Các yếu tố giảm | | | |
| | | | | | | | Tăng đối tượng | Do thay đổi chính sách | Do đặc thù cơ sở y tế | Khác | | Giảm đối tượng | Do thay đổi chính sách | Do đặc thù cơ sở y tế | Khác |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=2+4-9 | 4=5+6+7+8 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=10+11+12+13 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cơ sở y tế A | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Cơ sở y tế B | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Bệnh viện huyện C | | | | | | | | | | | | | | |
| | .... | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thanh toán trực tiếp | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

TP. Giám định BHYT
*(Ký, họ tên)*

TP. Kế hoạch tài chính
*(Ký, họ tên)*

*....., ngày .....tháng..... năm .....*
Thủ trưởng đơn vị
*(Ký,họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** *Hướng dẫn lập biểu*

- Cột 1, cột 2, cột 3: Ghi số liệu quyết toán tại thời điểm lập dự toán

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 06

# DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT NĂM ...

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| 1 | **Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật** | | | | | |
| 2 | **Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ** | | | | | |
| 3 | **Cải cách thủ tục hành chính** | | | | | |
| 3.1 | Chi giao nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính | | | | | |
| 3.2 | Xây dựng và vận hành giao dịch điện tử | | | | | |
| 3.3 | Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 | | | | | |
| 3.4 | Chi trả phí thuê bao đường truyền | | | | | |
| 3.5 | Chi hỗ trợ công tác nhập cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT, tạo lập cơ sở dữ liệu, kiểm tra dữ liệu tạo lập ban đầu và nhập thông tin của đối tượng, hộ gia đình tăng, giảm hàng năm | | | | | |
| 3.6 | Rà soát sổ BHXH để trả cho người lao động | | | | | |
| 3.7 | Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ, quy trình nghiệp vụ | | | | | |
| 4 | **Công tác quản lý người tham gia, người thụ hưởng** | | | | | |
| 4.1 | Chi hỗ trợ UBND xã, phường, thị trấn lập danh sách tham gia BHYT | | | | | |
| 4.2 | Chi phí làm sổ BHXH, thẻ BHYT | | | | | |
| 4.3 | Chi bảo quản, lưu trữ hồ sơ người tham gia, người thụ hưởng | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với UTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| 4.4 | Chi hỗ trợ công chức, viên chức tham gia quản lý người tham gia, người thụ hưởng | | | | | |
| 5 | **Công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ** | | | | | |
| 5.1 | Chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình, của HSSV đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống GDQD | | | | | |
| 5.2 | Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN | | | | | |
| 5.3 | Lệ phí chuyển tiền trả cho KBNN, NHTM | | | | | |
| 5.4 | Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo | | | | | |
| 5.5 | Trang phục y tế cho giám định viên BHYT | | | | | |
| 5.6 | Chi hỗ trợ cước phí điện thoại cho một số chức danh và vị trí công tác | | | | | |
| 5.7 | Chi hoạt động phối hợp tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| 6 | **Chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát** | | | | | |
| 6.1 | Chi trang phục thanh tra, chế độ bồi dưỡng đối với người được giao nhiệm vụ thanh tra về đóng BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| 6.2 | Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích cá nhân, tập thể ngoài ngành phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi. | | | | | |
| 6.3 | Chi phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các hoạt động phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát | | | | | |
| 6.4 | Chi phí thi hành án, lệ phí cấp bản sao giấy tờ | | | | | |
| 7 | **Hoạt động của hội đồng quản lý BHXH Việt Nam** | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với UTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| 8 | **Chi mua sắm hiện đại hóa hệ thống quản lý** | | | | | |
| 8.1 | Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và phục vụ công tác | | | | | |
| 8.2 | Mua xe ô tô | | | | | |
| 8.3 | Chi sửa chữa lớn trang thiết bị, phương tiện làm việc, trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ | | | | | |
| 9 | **Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp** | | | | | |
| 9.1 | **Chi thường xuyên** | | | | | |
| | - Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | | | | | |
| | - Chi quản lý hành chính | | | | | |
| | - Chi đảm bảo hoạt động của tổ chức Đảng đoàn thể và chế độ đối với cán bộ tự vệ theo chế độ quy định | | | | | |
| 9.2 | **Chi không thường xuyên** | | | | | |
| | - Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở | | | | | |
| | - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức theo chương trình của Nhà nước | | | | | |
| | - Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế | | | | | |
| | - Chi thực hiện tinh giản biên chế | | | | | |
| | - Chi điều động luân chuyển, biệt phái CCVC | | | | | |
| | - Chi phí thuê mướn; chi thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc | | | | | |
| | - Các khoản chi khác | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | Tổng cộng | | | | | |

*.....ngày .....tháng.....năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng phòng KH-TC**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 1 : Ghi số liệu quyết toán tại thời điểm lập dự toán
- Chỉ tiêu 4.1 biểu này tương ứng với Chỉ tiêu 2 của Mẫu biểu số 7b

- Chỉ tiêu 5.1 tại Mẫu biểu này tương ứng với Chỉ tiêu 3 của Mẫu biểu số 6b cộng với kinh phí chi đào tạo, tập huấn công tác thu, kiểm tra đại lý thu và điều chỉnh bổ sung hoặc giảm trừ kinh phí chi thù lao đại lý thu của năm trước theo mức chi điều chỉnh (nếu có)

- Chỉ tiêu gạch đầu dòng thứ nhất của nội dung 9.1: tính lương, phụ cấp lương 1,8 lần theo quy định
- Chỉ tiêu gạch đầu dòng thứ tư của nội dung 9.2: kinh phí giải quyết chế độ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Biểu mẫu số 06a

# DỰ TOÁN CHI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN NĂM....

| TT | Nội dung công việc | Thực hiện năm trước (số tiền) | Ước thực hiện năm hiện hành | | Dự kiến năm KH | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng (cuộc, bài, lần) | Số tiền (triệu đồng) | Số lượng (cuộc, bài, lần) | Số tiền (triệu đồng) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | **Tổng cộng (I+II)** | | | | | |
| **I** | **BHXH tỉnh** | | | | | |
| 1 | Đối thoại trực tiếp | | | | | |
| 2 | Tuyên truyền qua các cơ quan thông tấn, báo chí trung ương và địa phương | | | | | |
| 3 | Tuyên truyền qua hệ thống đài truyền truyền, truyền thanh | | | | | |
| - | Đài truyền hình tỉnh | | | | | |
| - | Đài phát thanh tỉnh | | | | | |
| 4 | Tổ chức tới thăm hộ gia đình để tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia BHXH, BHYT | | | | | |
| 5 | Tuyên truyền trực quan | | | | | |
| - | Tờ phướn | | | | | |
| - | Áp phích | | | | | |
| - | Khẩu hiệu | | | | | |
| - | Tranh cổ động | | | | | |
| - | Tờ rơi | | | | | |
| - | Tờ gấp | | | | | |
| - | Sách hỏi đáp | | | | | |
| - | Pano | | | | | |
| - | ... | | | | | |
| 6 | Tuyên truyền lưu động | | | | | |
| 7 | gameshow truyền hình thực tế | | | | | |
| 8 | tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| - | Hội nghị tập huấn | | | | | |
| - | Hội thảo | | | | | |
| - | Thảo luận | | | | | |
| 9 | cấp tài liệu truyên truyền tại các Hội nghị, hội thảo | | | | | |
| 10 | truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| 11 | Duy trì các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền trên Website của tỉnh | | | | | |

| TT | Nội dung công việc | Thực hiện năm trước (số tiền) | Ước thực hiện năm hiện hành | | Dự kiến năm KH | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng (cuộc, bài, lần) | Số tiền (triệu đồng) | Số lượng (cuộc, bài, lần) | Số tiền (triệu đồng) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | **Tổng cộng (I+II)** | | | | | |
| 12 | và chính quyền địa phương để tăng cường chỉ đạo triển khai công tác tuyên truyền | | | | | |
| 13 | Các hình thức tuyên truyền khác (nếu có liệt kê ) | | | | | |
| - | ... | | | | | |
| **II** | **BHXH huyện** | | | | | |
| 1 | Đối thoại trực tiếp | | | | | |
| 2 | Đài phát thanh xã, phường, thị trấn và tương đương | | | | | |
| 3 | Tổ chức tới thăm hộ gia đình để tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia BHXH, BHYT | | | | | |
| 4 | Tuyên truyền trực quan | | | | | |
| - | Tờ phướn | | | | | |
| - | Áp phích | | | | | |
| - | Khẩu hiệu | | | | | |
| - | Tranh cổ động | | | | | |
| - | Tờ rơi | | | | | |
| - | Tờ gấp | | | | | |
| - | Sách hỏi đáp | | | | | |
| - | Pano | | | | | |
| - | ... | | | | | |
| 5 | Tuyên truyền lưu động | | | | | |
| 6 | Gameshow truyền hình thực tế | | | | | |
| 7 | tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| - | Hội nghị tập huấn | | | | | |
| - | Hội thảo | | | | | |
| - | Thảo luận | | | | | |
| 8 | cấp tài liệu truyên truyền tại các Hội nghị, hội thảo | | | | | |
| 9 | truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| 10 | Chi phối hợp với chính quyền địa phương để tăng cường chỉ đạo triển khai công tác tuyên truyền | | | | | |
| 11 | Các hình thức tuyên truyền khác (nếu có liệt kê ) | | | | | |

| TT | Nội dung công việc | Thực hiện năm trước (số tiền) | Ước thực hiện năm hiện hành | | Dự kiến năm KH | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng (cuộc, bài, lần) | Số tiền (triệu đồng) | Số lượng (cuộc, bài, lần) | Số tiền (triệu đồng) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | **Tổng cộng (I+II)** | | | | | |
| - | ... | | | | | |

*.....,ngày .....tháng.....năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. Tuyên Truyền**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**
- Cột 1: Số liệu quyết toán năm trước

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 06b

# DỰ TOÁN CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC THU, CHI THÙ LAO ĐẠI LÝ THU VÀ CHI HỖ TRỢ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐỂ THỰC HIỆN LẬP DANH SÁCH THAM GIA BHYT TRÊN ĐỊA BÀN

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm.... (năm trước) | | | | | | | Ước thực hiện năm.....(năm hiện hành) | | | | | | | Dự kiến năm.....(năm kế hoạch) | | | | | | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đối tượng (người) | | | Số thu (triệu đồng) | | | Số tiền (triệu đồng) | Đối tượng (người) | | | Số thu (triệu đồng) | | | Số tiền (triệu đồng) | Đối tượng (người) | | | Số thu (triệu đồng) | | | Số tiền (triệu đồng) | |
| | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | Tăng mới | Tái tục | | Tăng mới | Tái tục | | | Tăng mới | Tái tục | | Tăng mới | Tái tục | | | Tăng mới | Tái tục | | Tăng mới | Tái tục | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
| 1 | Chi hỗ trợ công tác thu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi hỗ trợ cho ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để thực hiện lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *2.1* | *Tăng trong năm* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *2.2* | *Giảm trong năm* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện, thu BHYT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *3.1* | *BHXH tự nguyện* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *3.2* | *Hộ gia đình* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *3.3* | *Học sinh sinh viên* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *3.4* | *Hộ gia đình cận nghèo* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *3.5* | *Hộ N,L,N,D nghiệp có mức sống trung bình* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *3.6* | *Khác* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

TP. Quản lý thu
*(Ký, họ tên)*

*..... ngày.....tháng.....năm.....*
Thủ trưởng đơn vị
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

-Từ Cột 1 đến Cột 7 (Số thực hiện năm trước) : Ghi số liệu quyết toán tại thời điểm lập dự toán

- (Chỉ tiêu 2.1 và 2.2) của Cột 1 và Cột 8: là số đối tượng dự kiến do UBND xã lập danh sách tăng, giảm mới trong năm
- Cột 7, Cột 14 : Tính bằng số đối tượng x định mức dự kiến giao hàng năm
- Cột 2, Cột 9: Ghi số đối tượng tăng mới trong năm

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm.... (năm trước) | | | | | | | Ước thực hiện năm.....(năm hiện hành) | | | | | | | Dự kiến năm.....(năm kế hoạch) | | | | | | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đối tượng (người) | | | Số thu (triệu đồng) | | | Số tiền (triệu đồng) | Đối tượng (người) | | | Số thu (triệu đồng) | | | Số tiền (triệu đồng) | Đối tượng (người) | | | Số thu (triệu đồng) | | | Số tiền (triệu đồng) | |
| | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | | |
| | | | Tăng mới | Tái tục | | Tăng mới | Tái tục | | | Tăng mới | Tái tục | | Tăng mới | Tái tục | | | Tăng mới | Tái tục | | Tăng mới | Tái tục | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |

- Cột 5, Cột 12: Ghi số tiền dự kiến tương ứng với số đối tượng tăng mới trong năm
- Cột 3, Cột 10 : Ghi số đối tượng dự kiến tái tục (đã tham gia)
- Cột 6, Cột 13: Ghi số tiền dự kiến tương ứng với số đối tượng tái tục trong năm

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 06c"

# ĐỀ XUẤT NHU CẦU MUA SẮM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ LÀM VIỆC THƯỜNG XUYÊN NĂM ...

| TT | Tên tài sản | Đơn vị tính (cái, chiếc) | Số lượng | Chủng loại | Đơn giá (đồng) | Dự toán (đồng) | Các đề xuất khác về cấu hình, công suất, màu sắc, ... để tham khảo mua sắm | Lý do đề xuất mua sắm (thay thế hay mua mới; trong đó phải nêu rõ hiện trạng tài sản hiện có) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | Tổng cộng | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

*.....ngày ...tháng ... năm ...*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** ***Hướng dẫn lập biểu***

- Cột 2: Ghi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam
- Cột 5: Chỉ ghi chủng loại đối với tài sản là xe ô tô (ghi số chỗ ngồi; nếu là xe 02 cầu thì ghi rõ xe 02 cầu và số chỗ ngồi) và tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành BHXH theo quy định của BHXH Việt Nam.
- Cột 8: Ghi các đề xuất khác về cấu hình, công suất, màu sắc, xuất xứ... để tham khảo
- Cột 9: Ghi rõ lý do đề xuất mua sắm (thay thế hay mua mới) và đánh giá cụ thể hiện trạng tài sản tương ứng hiện có

Đơn vị quản lý cấp trên:.....
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 1-Mẫu biểu số 06d

# ĐỀ XUẤT NHU CẦU MUA SẮM TẬP TRUNG NĂM .....

| STT | Tên tài sản | Đơn vị tính (cái, chiếc) | Số lượng | Chủng loại | Đơn giá (đồng) | Dự toán (đồng) | Các đề xuất khác về cấu hình, công suất, màu sắc,... để tham khảo mua sắm | Lý do đề xuất mua sắm (thay thế hay mua mới; trong đó phải nêu rõ hiện trạng tài sản hiện có) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | XXX | | | XXX | | |

*.....,ngày ..... tháng .... năm....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

1. Lập Mẫu biểu này theo hướng dẫn tại Mẫu số 01a/MSTT, Quyết định số 1535/QĐ-BHXH ngày 20/10/2016 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy chế mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trong ngành bảo hiểm xã hội (Quyết định số 1535).
2. Quy trình thực hiện mua sắm tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương II quy chế mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trong ngành BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1535.
3. Quy trình thực hiện mua sắm tập trung theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương II quy chế mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trong ngành BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1535.

Đơn vị quản lý cấp trên:.....
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 1-Mẫu biểu số 06e

# DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NĂM.....

*(Dùng cho Viện Khoa học BHXH báo cáo Lãnh đạo Ngành; gửi Vụ Tài chính- Kế toán )*

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Định mức | Thành tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| I | Chi công tác nghiên cứu khoa học | | | | | *Chi tiết theo quy định* |
| 1 | Chi nghiên cứu đề tài, đề án khoa học | | | | | |
| 2 | Chi quản lý đề tài và hoạt động khoa học khác | | | | | |
| 3 | Chi hội thảo khoa học, đào tạo tập huấn | | | | | |
| II | Chi hoạt động thông tin thư viện | | | | | |
| III | Chi hoạt động nghiên cứu dự báo | | | | | |
| IV | Chi khác | | | | | |

*....., ngày.....tháng..... năm .....*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Viện trưởng |
|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký tên, đóng dấu)* |

Đơn vị quản lý cấp trên:.....

Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục số 01- Mẫu biểu số 6g

# DỰ TOÁN CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ NĂM...

*(Dùng cho Trường Đào tạo nghiệp vụ BHXH, Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo Lãnh đạo BHXH Việt Nam; gửi Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Tài chính- Kế toán)*

| TT | Nội dung đào tạo, bồi dưỡng | Đối tượng | Tổng số học viên | Số cụm tổ chức | Số lớp | Thời gian học (ngày) | Thời gian dự kiến mở lớp | Kinh phí dự kiến (VNĐ) | Địa điểm dự kiến tổ chức | Đối tác phối hợp | Đơn vị chủ trì | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | | |
| **I** | **Đào tạo, bồi dưỡng** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bồi dưỡng.... | | | | | | | | | | | *Chi tiết dự toán theo quy chế đào tạo* |
| .... | .... | | | | | | | | | | | |
| | Đào tạo ..... | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Xây dựng giáo trình** | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

*....ngày tháng năm.....*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Hiệu trưởng (Vụ trưởng)**
*(Ký tên, đóng dấu)*

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 1- Mẫu biểu số 07

# DỰ TOÁN CHI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung công việc | Thực hiện năm .... (năm trước) | Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành) | Dự kiến năm..... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm.... (năm KH) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| I | **Hoạt động liên quan đến hạ tầng kỹ thuật CNTT và phần mềm, CSDL chuyên ngành** | | | | | |
| | Chi tiết theo nội dung cụ thể phát sinh tại đơn vị..... | | | | | |
| II | **Hoạt động vận hành và phát triển hệ thống CNTT** | | | | | |
| | Chi tiết theo nội dung cụ thể phát sinh tại đơn vị..... | | | | | |
| ... | ..... | | | | | |

*.....ngày..... tháng..... năm .....*

| Người lập biểu | TP. CNTT | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

- Cột 1: Số liệu quyết toán năm trước

Đơn vị quản lý cấp trên.....
Đơn vị báo cáo.....

Phụ lục 2- Mẫu biểu số 05

# DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA .....NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Danh mục công trình, dự án (ghi theo từng Quyết định) | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC | Thời gian HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) | | | | Tổng dự toán | | Kế hoạch đầu tư trung hạn | Thực hiện năm... (ước thực hiện) | Kế hoạch vốn năm (năm kế hoạch) | | Giải ngân từ khởi công đến hết năm... (năm kế hoạch) | Nhu cầu bổ sung vốn năm... (năm kế hoạch) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số quyết định | Ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư | | Tổng số | Trong đó: Dự phòng | | | Kế hoạch | Ước thực hiện | | Tổng số | Trong đó: Thanh toán nợ XDCB | |
| | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: Dự phòng | | | | | | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| | Tổng số | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A | *Dự án nhóm A* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Vốn chuẩn bị đầu tư | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Vốn thực hiện đầu tư | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | *Dự án đã hoàn thành* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | *Dự án chuyển tiếp* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | *Dự án khởi công mới* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| B | *Dự án nhóm B* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... ..... ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| C | *Dự án nhóm C* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

..... ngày ... tháng..... năm.....

Người lập biểu
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ trách bộ phận
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Thủ trưởng đơn vị
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC SỐ 1C**

**MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN THU, CHI**

***(Dùng cho cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội)***

Mẫu biểu số 01 : Chi tiết dự toán thu, chi BHTN

Mẫu biểu số 02 : Chi tiết dự toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**Đơn vị:.....**

**Phụ lục 1c-Mẫu biểu số 01**

# TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BHTN NĂM....

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Thực hiện năm trước | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm kế hoạch | ..... |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | | |
| 1 | Số người được tư vấn hỗ trợ GTVL | Lượt người | | | | |
| 2 | Số người được giới thiệu việc làm | Lượt người | | | | |
| 3 | Số người được hỗ trợ học nghề | Lượt người | | | | |
| 4 | Số người nộp hồ sơ hưởng chính sách BHTN | Người | | | | |
| 5 | Hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động | Người | | | | |
| 6 | Số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp | Người | | | | |

*....., ngày tháng năm*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XA HỘI

Đơn vị:.....

Phụ lục 1c-Mẫu biểu số 02

# CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BHTN, BH TNLĐ-BNN NĂM ...

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| 1 | **Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật** | | | | | |
| 2 | **Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ** | | | | | |
| 3 | **Cải cách thủ tục hành chính** | | | | | |
| 3.1 | Chi giao nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính | | | | | |
| 3.2 | Xây dựng và vận hành giao dịch điện tử | | | | | |
| 3.3 | Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 | | | | | |
| 3.4 | Chi trả phí thuê bao đường truyền | | | | | |
| 3.5 | Chi hỗ trợ công tác nhập cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT, tạo lập cơ sở dữ liệu, kiểm tra dữ liệu tạo lập ban đầu và nhập thông tin của đối tượng, hộ gia đình tăng, giảm hàng năm | | | | | |
| 3.6 | Rà soát sổ BHXH để trả cho người lao động | | | | | |
| 3.7 | Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ, quy trình nghiệp vụ | | | | | |
| 4 | **Công tác quản lý người tham gia, người thụ hưởng** | | | | | |
| 4.1 | Chi hỗ trợ UBND xã, phường, thị trấn lập danh sách tham gia BHYT | | | | | |
| 4.2 | Chi phí làm sổ BHXH, thẻ BHYT | | | | | |
| 4.3 | Chi bảo quản, lưu trữ hồ sơ người tham gia, người thụ hưởng | | | | | |
| 4.4 | Chi hỗ trợ công chức, viên chức tham gia quản lý người tham gia, người thụ hưởng | | | | | |
| 5 | **Công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ** | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với ƯTH năm | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| 5.1 | Chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình, của HSSV đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống GDQD | | | | | |
| 5.2 | Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN | | | | | |
| 5.3 | Lệ phí chuyển tiền trả cho KBNN, NHTM | | | | | |
| 5.4 | Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo | | | | | |
| 5.5 | Trang phục y tế cho giám định viên BHYT | | | | | |
| 5.6 | Chi hỗ trợ cước phí điện thoại cho một số chức danh và vị trí công tác | | | | | |
| 5.7 | Chi hoạt động phối hợp tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| **6** | **Chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát** | | | | | |
| 6.1 | Chi trang phục thanh tra, chế độ bồi dưỡng đối với người được giao nhiệm vụ thanh tra về đóng BHXH, BHYT, BHTN | | | | | |
| 6.2 | Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích cá nhân, tập thể ngoài ngành phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi. | | | | | |
| 6.3 | Chi phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các hoạt động phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát | | | | | |
| 6.4 | Chi phí thi hành án, lệ phí cấp bản sao giấy tờ | | | | | |
| **7** | **Chi ứng dụng công nghệ thông tin** | | | | | |
| **8** | **Chi mua sắm hiện đại hóa hệ thống quản lý** | | | | | |
| 8.1 | Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và phục vụ công tác | | | | | |
| 8.2 | Mua xe ô tô | | | | | |
| 8.3 | Chi sửa chữa lớn trang thiết bị, phương tiện làm việc, trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ | | | | | |
| **9** | **Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp** | | | | | |
| 9.1 | **Chi thường xuyên** | | | | | |

| TT | Nội dung chi | Thực hiện năm... (năm trước) | Ước thực hiện năm hiện hành | Dự kiến năm..... | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dự kiến năm KH | Năm KH so với UTH năm | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 |
| | - Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | | | | | |
| | - Chi quản lý hành chính | | | | | |
| | - Chi đảm bảo hoạt động của tổ chức Đảng đoàn thể và chế độ đối với cán bộ tự vệ theo chế độ quy định | | | | | |
| 9.2 | **Chi không thường xuyên** | | | | | |
| | - Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở | | | | | |
| | - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức theo chương trình của Nhà nước | | | | | |
| | - Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế | | | | | |
| | - Chi thực hiện tinh giản biên chế | | | | | |
| | - Chi điều động luân chuyển, biệt phái CCVC | | | | | |
| | - Chi phí thuê mướn; chi thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc | | | | | |
| | - Các khoản chi khác | | | | | |

**Ghi chú:**
Nội dung chi nào không phát sinh không lập

*....., ngày tháng năm*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

## PHỤ LỤC SỐ 2

## MẪU BIỂU LẬP VÀ TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BHXH VIỆT NAM

*(Dùng cho Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Ban Thực hiện chính sách BHXH, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ Quản lý Đầu tư quỹ, Vụ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Kế hoạch phát triển đối tượng tham gia và dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 02 | : | Tổng hợp dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT của các đơn vị |
| | | *(Từ Mẫu biểu số 01 đến Mẫu biểu số 02, dùng cho Ban Thu báo cáo Lãnh đạo Ngành; gửi Vụ KHĐT tổng hợp)* |
| Mẫu biểu số 03 | : | Kế hoạch đối tượng hưởng và dự toán chi BHXH, BHTN |
| Mẫu biểu số 04 | : | Tổng hợp dự toán chi BHXH, BHTN của các đơn vị |
| Mẫu biểu số 05 | : | Dự toán chi quản lý BHXH, BHYT, BHTN năm .. |
| Mẫu biểu số 06 | : | Tổng hợp dự toán chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT<br>*(Từ Mẫu biểu số 03 đến Mẫu biểu số 06, dùng cho Vụ Tài chính-Kế toán báo cáo Lãnh đạo Ngành; gửi Vụ KHĐT tổng hợp)* |
| Mẫu biểu số 07 | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT |
| Mẫu biểu số 08 | : | Tổng hợp dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT của các đơn vị |
| | | *(Từ Mẫu biểu số 07 đến Mẫu biểu số 08, dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHYT báo cáo Lãnh đạo Ngành; gửi Vụ KHĐT tổng hợp)* |
| Mẫu biểu số 09 | : | Tổng hợp số CCVC, LĐHĐ tại các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương và BHXH cấp tỉnh |
| Mẫu biểu số 10 | : | Tổng hợp dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn nghiệp vụ |
| | | *(Từ Mẫu biểu số 09 đến Mẫu biểu số 10 dùng cho Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo Lãnh đạo Ngành; gửi Vụ TCKT và Vụ KHĐT tổng hợp)* |
| Mẫu biểu số 11 | : | Đối tượng giải quyết hưởng BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện hàng tháng và mức hưởng bình quân |
| Mẫu biểu số 12 | : | Đối tượng giải quyết BHXH một lần và mức hưởng bình quân |
| Mẫu biểu số 13 | : | Đối tượng hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK |
| | | (Từ Mẫu biểu số 11 đến Mẫu biểu số 13 dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHXH báo cáo Lãnh đạo Ngành; gửi Vụ Tài chính - Kế toán) |

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 01**

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA VÀ DỰ TOÁN THU BHXH, BHTN, BHYT

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| **A** | **BẢO HIỂM XÃ HỘI** | | | | | | | | | | | | |
| **A1** | **Tiền đóng theo quy định** | | | | | | | | | | | | |
| **I** | **Bảo hiểm xã hội bắt buộc** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp nhà nước | | | | | | | | | | | | |
| 2 | DN có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | | | |
| 3 | DN ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hành chính, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Sự nghiệp công lập | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Cán bộ xã, phường, thị trấn | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Hợp tác xã | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Ngoài công lập | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Lao động có thời hạn ở nước ngoài | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Đối tượng tự đóng | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Khác (tổ chức nước ngoài, quốc tế ) | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Bảo hiểm xã hội tự nguyện** | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| III | **Bảo hiểm TNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | | | |
| IV | **Lực lượng vũ trang** | | | | | | | | | | | | |
| A2 | **Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH** | | | | | | | | | | | | |
| B | **BẢO HIỂM Y TẾ** | | | | | | | | | | | | |
| B1 | **Tiền đóng theo quy định** | | | | | | | | | | | | |
| I | **Người lao động và người SDLĐ đóng** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp nhà nước | | | | | | | | | | | | |
| 2 | DN có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | | | |
| 3 | DN ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hành chính, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Sự nghiệp công lập | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Cán bộ xã, phường, thị trấn | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Hợp tác xã | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Ngoài công lập | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Doanh nghiệp LLVT | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Khác | | | | | | | | | | | | |
| II | **Tổ chức BHXH đóng** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hưu trí, trợ cấp mất sức lao động | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Trợ cấp TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp BHXH | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| 4 | Ốm đau cần chữa trị dài ngày | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Công nhân cao su | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Nghỉ chế độ TS | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Khác | | | | | | | | | | | | |
| III | **Ngân sách nhà nước đóng** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Người thôi hưởng trợ cấp MSLĐ | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Người có công cách mạng | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Thân nhân người có công | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Người phục vụ người có công | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Cựu chiến binh | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Đại biểu Quốc hội, HĐND | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Người tham gia kháng chiến | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Trẻ em dưới 6 tuổi | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Người hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Người đã hiến bộ phận cơ thể | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Người thuộc hộ nghèo | | | | | | | | | | | | |
| 12,1 | Người nghèo đa chiều thiếu hụt BHYT | | | | | | | | | | | | |
| 12,2 | Người nghèo đa chiều không thiếu hụt BHYT | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Người DTTS vùng KK, đặc biệt KK | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Người sống vùng đặc biệt KK | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| 15 | Người sống ở xã đảo, huyện đảo | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Người làm công tác cơ yếu (bộ, ĐP) | | | | | | | | | | | | |
| 17 | Thân nhân LLVT | | | | | | | | | | | | |
| 18 | Người nước ngoài học tập tại VN | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Người 80 tuổi đang hưởng TC tuất | | | | | | | | | | | | |
| 20 | Nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú được nhà nước phong tặng thuộc HGĐ có mức thu nhập bình quân hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở | | | | | | | | | | | | |
| 21 | Khác | | | | | | | | | | | | |
| IV | **Đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Học sinh, sinh viên | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Người thuộc hộ gia đình cận nghèo | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Hộ N-L-N-Dn có mức sống TB | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Khác | | | | | | | | | | | | |
| V | **Hộ gia đình** | | | | | | | | | | | | |
| VI | **Nhóm người sử dụng lao động đóng** | | | | | | | | | | | | |
| B2 | **Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT** | | | | | | | | | | | | |
| C | **BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | | | | | | | | | | | | |
| C1 | **Tiền đóng theo quy định** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp nhà nước | | | | | | | | | | | | |
| 2 | DN có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | | | |
| 3 | DN ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hành chính, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Sự nghiệp công lập | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| 6 | Cán bộ xã, phường, thị trấn | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Hợp tác xã | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Ngoài công lập | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Khác (tổ chức nước ngoài, quốc tế ) | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Lực lượng vũ trang | | | | | | | | | | | | |
| C2 | **Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN** | | | | | | | | | | | | |

*……, ngày tháng năm ....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. KH-TH**
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng ban**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thu báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt;
Gửi Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 02**

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU BHXH, BHTN, BHYT CỦA CÁC ĐƠN VỊ

| TT | Đơn vị | BHXH bắt buộc | | BHXH tự nguyện | | Bảo hiểm thất nghiệp | | Bảo hiểm y tế | | Tổng cộng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | |
| 1 | Hà Nội | | | | | | | | | | |
| 2 | Hồ Chí Minh | | | | | | | | | | |
| 3 | ..... | | | | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | | | | | |

*....., ngày.... tháng.... năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. KH-TH**
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng ban**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thu báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Số liệu tổng hợp từ Dự toán thu, chi năm kế hoạch do BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân lập

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Phụ lục 2- Biểu mẫu số 03

# KẾ HOẠCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG VÀ DỰ TOÁN CHI BHXH, BHTN

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | UTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | UTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| | **TỔNG SỐ CHI** | | | | | | | | | | | | |
| **I** | **Nguồn NSNN bảo đảm** | | | | | | | | | | | | |
| **1** | **Hàng tháng** | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Hưu quân đội | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Hưu viên chức | | | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Trợ cấp công nhân cao su | | | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Trợ cấp mất sức lao động | | | | | | | | | | | | |
| 1.5 | Trợ cấp 91 | | | | | | | | | | | | |
| 1.6 | Trợ cấp TNLĐ- BNN | | | | | | | | | | | | |
| 1.7 | Trợ cấp người phục vụ đối tượng bị TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | | | |
| 1.8 | Trợ cấp tuất định suất cơ bản | | | | | | | | | | | | |
| 1.9 | Trợ cấp tuất định suất nuôi dưỡng | | | | | | | | | | | | |
| 1.10 | Trợ cấp 613 | | | | | | | | | | | | |
| **2** | **Trợ cấp một lần** | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp tuất một lần | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Trợ cấp phương tiện trợ giúp SH, DCCH | | | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Trợ cấp QĐ 52 | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Phí giám định mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Trợ cấp khu vực 1 lần | | | | | | | | | | | | |
| 2.7 | Khác | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| **3** | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Hưu trí, mất sức lao động | | | | | | | | | | | | |
| 3.2 | TNLĐ-BNN, công nhân cao su | | | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Trợ cấp Quyết định 613/QĐ-TTg | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Nguồn quỹ BHXH bảo đảm** | | | | | | | | | | | | |
| **A** | **Quỹ ốm đau, thai sản** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Ốm đau | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Thai sản | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Dưỡng sức phục hồi sức khỏe | | | | | | | | | | | | |
| 4 | BHYT cho các đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Người LĐ hưởng chế độ thai sản | | | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Người LĐ ốm đau dài ngày | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Quỹ hưu trí, tử tuất** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Chi BHXH bắt buộc hàng tháng** | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Hưu quân đội | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Hưu viên chức | | | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Trợ cấp cán bộ xã | | | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Trợ cấp tuất định suất cơ bản | | | | | | | | | | | | |
| 1.5 | Trợ cấp tuất định suất nuôi dưỡng | | | | | | | | | | | | |
| **2** | **Chi BHXH bắt buộc một lần** | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | BHXH một lần | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Trợ cấp tuất 1 lần | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Trợ cấp khu vực 1 lần | | | | | | | | | | | | |
| 2,6 | Phí giám định mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | | | |
| 3 | **Chi BHXH tự nguyện** | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| 3.1 | Lương hưu | | | | | | | | | | | | |
| 3.2 | BHXH một lần | | | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu | | | | | | | | | | | | |
| 3.4 | Trợ cấp mai táng phí | | | | | | | | | | | | |
| 3.5 | Trợ cấp tuất 1 lần | | | | | | | | | | | | |
| 4 | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Người hưởng lương hưu | | | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Cán bộ xã hưởng trợ cấp hàng tháng | | | | | | | | | | | | |
| 4.3 | Người từ 80 tuổi hưởng tuất hàng tháng | | | | | | | | | | | | |
| C | **Quỹ TNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Hàng tháng** | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Trợ cấp người phụ vụ đối tượng bị TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | | | |
| 2 | **Trợ cấp một lần** | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Trợ cấp 1 lần khi chết do TNLĐ | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Dưỡng sức phục hồi sức khỏe | | | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Phương tiện trợ giúp SH, DCCH | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Giám định thương tật, bệnh tật | | | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro | | | | | | | | | | | | |
| 2.7 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | | | | | | | | | | | | |
| 2.8 | Phí giám định th/tật, bệnh tật, mức suy giảm KNLĐ | | | | | | | | | | | | |
| 3 | **BHYT cho các đối tượng** | | | | | | | | | | | | |
| III | **BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | BHYT cho các đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Trợ cấp thất nghiệp | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm | | | | | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐỐI TƯỢNG (Người) | | | | | | SỐ THU (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | | Thực hiện năm.... (năm trước) | Năm hiện hành | | Dự kiến năm ....(năm kế hoạch) | | |
| | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | | | Dự toán | Ước thực hiện | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | ƯTH so dự toán giao | |
| | | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5= 4-3 | 6=4:3 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=10-9 | 12=10:9 |
| 4 | Hỗ trợ học nghề | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động | | | | | | | | | | | | |

*....., ngày .....tháng.....năm.....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. KHTH**
*(Ký, họ tên)*

**Vụ trưởng**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Vụ Tài chính- Kế toán báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 04**

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI BHXH, BHTN CỦA CÁC ĐƠN VỊ NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Chi BHXH bắt buộc từ nguồn NSNN đảm bảo | | Chi BHXH từ Quỹ BHXH đảm bảo | | Chi Bảo hiểm thất nghiệp | | Tổng cộng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự toán | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán giao | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=1+3+5 | 8=2+4+6 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | |
| 1 | TP Hà Nội | | | | | | | | |
| 2 | TP Hồ Chí Minh | | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng.....năm .....*

| Người lập biểu | TP. KH-TH | Vụ trưởng |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Vụ Tài chính- Kế toán báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Số liệu tổng hợp từ Dự toán thu, chi năm kế hoạch do BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân lập

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 05**

# CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Dự toán năm …(năm trước) | Dự toán năm …(năm hiện hành) | Ước thực hiện năm ….(năm hiện hành) | Dự kiến dự toán năm kế hoạch | *Trong đó* | | | | Dự toán năm KH so năm HH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BHXH Việt Nam | BHXH Bộ Quốc phòng | BHXH Bộ Công an | Ngành LĐTB XH | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-6-7-8 | 6 | 7 | 8 | 9=4-3 | 10=4:3 |
| | **Tổng cộng (I+II+III)** | | | | | | | | | | |
| I | **Chi đầu tư xây dựng trụ sở làm việc** | | | | | | | | | | |
| II | **Chi ứng dụng CNTT** | | | | | | | | | | |
| III | **Chi quản lý** | | | | | | | | | | |
| 1 | **Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN** | | | | | | | | | | |
| 2 | **Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHYT, BHTN** | | | | | | | | | | |
| 3 | **Cải cách thủ tục hành chính về BHXH, BHYT, BHTN** | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Chi giao nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | | | | | |
| 3.2 | Xây dựng và vận hành giao dịch điện tử | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 | | | | | | | | | | |
| 3.4 | Chi trả phí thuê bao đường truyền | | | | | | | | | | |
| 3.5 | Chi hỗ trợ công tác nhập cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT, tạo lập cơ sở dữ liệu, kiểm tra dữ liệu tạo lập ban đầu và nhập thông tin của đối tượng, hộ gia đình tăng, giảm hàng năm | | | | | | | | | | |
| 3.6 | Rà soát sổ BHXH để trả cho người lao động | | | | | | | | | | |

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Dự toán năm …(năm trước) | Dự toán năm …(năm hiện hành) | Ước thực hiện năm ….(năm hiện hành) | Dự kiến dự toán năm kế hoạch | *Trong đó* | | | | Dự toán năm KH so năm HH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BHXH Việt Nam | BHXH Bộ Quốc phòng | BHXH Bộ Công an | Ngành LĐTBXH | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| 3.7 | Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ, quy trình nghiệp vụ | | | | | | | | | | |
| 4 | **Công tác quản lý người tham gia, người thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN** | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Chi hỗ trợ UBND xã, phường, thị trấn lập danh sách tham gia BHYT | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Chi phí làm sổ BHXH, thẻ BHYT | | | | | | | | | | |
| 4.3 | Chi bảo quản, lưu trữ hồ sơ người tham gia, người thụ hưởng | | | | | | | | | | |
| 4.4 | Chi hỗ trợ công chức, viên chức tham gia quản lý người tham gia, hưởng | | | | | | | | | | |
| 5 | **Công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ** | | | | | | | | | | |
| 5.1 | Chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình, của HSSV đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống GDQD | | | | | | | | | | |
| 5.2 | Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN | | | | | | | | | | |
| 5.3 | Lệ phí chuyển tiền trả cho KBNN, NHTM | | | | | | | | | | |
| 5.4 | Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo | | | | | | | | | | |
| 5.5 | Trang phục y tế cho giám định viên BHYT | | | | | | | | | | |
| 5.6 | Chi hỗ trợ cước phí điện thoại cho một số chức danh và vị trí công tác | | | | | | | | | | |
| 5.7 | Chi hoạt động phối hợp tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHYT, BHTN | | | | | | | | | | |
| 6 | **Chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát** | | | | | | | | | | |

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Dự toán năm …(năm trước) | Dự toán năm …(năm hiện hành) | Ước thực hiện năm ….(năm hiện hành) | Dự kiến dự toán năm kế hoạch | *Trong đó* | | | | Dự toán năm KH so năm HH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BHXH Việt Nam | BHXH Bộ Quốc phòng | BHXH Bộ Công an | Ngành LĐTB XH | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| 6.1 | Chi trang phục thanh tra, chế độ bồi dưỡng đối với người được giao nhiệm vụ thanh tra về đóng BHXH, BHYT, BHTN | | | | | | | | | | |
| 6.2 | Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích cá nhân, tập thể ngoài ngành phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi. | | | | | | | | | | |
| 6.3 | Chi phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các hoạt động phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát | | | | | | | | | | |
| 6.4 | Chi phí thi hành án, lệ phí cấp bản sao giấy tờ | | | | | | | | | | |
| 7 | **Hoạt động của hội đồng quản lý BHXH Việt Nam** | | | | | | | | | | |
| 8 | **Chi mua sắm hiện đại hóa hệ thống quản lý** | | | | | | | | | | |
| 8.1 | Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và phục vụ công tác | | | | | | | | | | |
| 8.2 | Mua xe ô tô | | | | | | | | | | |
| 8.3 | Chi sửa chữa lớn trang thiết bị, phương tiện làm việc, trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ | | | | | | | | | | |
| 9 | **Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp** | | | | | | | | | | |
| 9.1 | **Chi thường xuyên** | | | | | | | | | | |
| | - Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | | | | | | | | | | |
| | - Chi quản lý hành chính | | | | | | | | | | |

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung chi | Dự toán năm ...(năm trước) | Dự toán năm ...(năm hiện hành) | Ước thực hiện năm ....(năm hiện hành) | Dự kiến dự toán năm kế hoạch | *Trong đó* | | | | Dự toán năm KH so năm HH | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BHXH Việt Nam | BHXH Bộ Quốc phòng | BHXH Bộ Công an | Ngành LĐTB XH | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| | - Chi đảm bảo hoạt động của tổ chức Đảng đoàn thể và chế độ đối với cán bộ tự vệ theo chế độ quy định | | | | | | | | | | |
| **9.2** | **Chi không thường xuyên** | | | | | | | | | | |
| | - Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở | | | | | | | | | | |
| | - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức theo chương trình của Nhà nước | | | | | | | | | | |
| | - Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế | | | | | | | | | | |
| | - Chi thực hiện tinh giản biên chế | | | | | | | | | | |
| | - Chi điều động luân chuyển, biệt phái CCVC | | | | | | | | | | |
| | - Chi phí thuê mướn; chi thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc | | | | | | | | | | |
| | - Các khoản chi khác | | | | | | | | | | |

*....., ngày .....tháng..... năm.....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. KH-TH**
*(Ký, họ tên)*

**Vụ trưởng**
*(Ký,họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Vụ Tài chính- Kế toán báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 06**

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT
# NĂM .....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Chi thường xuyên | Chi thường xuyên đặc thù | Chi không thường xuyên | Chi sửa chữa, mua sắm | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 6=1+2+3+4 |
| | **Tổng cộng** | | | | | |
| 1 | Hà Nội | | | | | |
| 2 | TP Hồ Chí Minh | | | | | |
| ... | ..... | | | | | |
| ... | ..... | | | | | |
| ... | ..... | | | | | |

*....., ngày .....tháng..... năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. KH-TH**
*(Ký, họ tên)*

**Vụ trưởng**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Vụ Tài chính- Kế toán báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Số liệu tổng hợp từ Dự toán thu, chi năm kế hoạch do BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, Cục Việc làm lập

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Biểu mẫu số 07**

# DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện.... (năm trước) | Năm .....(Năm hiện hành) | | | | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Dự toán được giao | Ước thực hiện | ƯTH so với dự toán giao | | Dự kiến năm..(năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7=6-3 | 8=6:3 |
| **I** | **Số người tham gia BHYT** | | | | | | | | |
| **II** | **Số thu BHYT** | | | | | | | | |
| **III** | **Tổng quỹ KCB được sử dụng** | | | | | | | | |
| 1 | Quỹ KCB BHYT (90%số thu) | | | | | | | | |
| 2 | 20% kết dư quỹ KCB năm trước chuyển sang để trả cho các tỉnh | | | | | | | | |
| **IV** | **Tổng chi KCB BHYT** | | | | | | | | |
| **1** | **Chi CSSK ban đầu** | | | | | | | | |
| *1.1* | *HSSV* | | | | | | | | |
| *1.2* | *Trẻ em dưới 6 tuổi* | | | | | | | | |
| *1.3* | *Y tế cơ quan* | | | | | | | | |
| **2** | **Chi KCB BHYT theo quy định hiện hành** | | | | | | | | |
| **3** | **Chi KCB BHYT do thay đổi chính sách** | | | | | | | | |

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện.... (năm trước) | Năm .....(Năm hiện hành) | | | | Dự kiến năm ... (năm kế hoạch) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Dự toán được giao | Ước thực hiện | ƯTH so với dự toán giao | | Dự kiến năm..(năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % | | Tăng, giảm | Tỷ lệ % |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3-2 | 5=3:2 | 6 | 7=6-3 | 8=6:3 |
| 4 | **Kết dư định suất chuyển cơ sở KCB** | | | | | | | | |
| 5 | **Dự kiến chi 20% kết dư quỹ KCB của tỉnh** | | | | | | | | |
| V | **Dự báo cân đối quỹ KCB BHYT** | | | | | | | | |
| VI | **Một số chỉ tiêu đánh giá** | | | | | | | | |
| 1 | Dân số | | | | | | | | |
| 2 | Tỷ lệ tham gia BHYT (%) | | | | | | | | |
| 3 | Tần suất KCB (số lượt KCB/thẻ/năm) | | | | | | | | |
| 4 | Mức chi KCB bình quân/thẻ/năm | | | | | | | | |
| 5 | Mức chi KCB bình quân/lượt KCB theo giá hiện hành | | | | | | | | |

*....., ngày .... tháng.....năm .....*

| Người lập biểu | TP. KH-TH | Trưởng ban |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHYT báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 08**

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT CỦA CÁC ĐƠN VỊ NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Quỹ KCB được sử dụng | Tổng chi KCB tại tỉnh | *Trong đó:* | | | Chi KCB đa tuyến đi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Chi CSSKBĐ | Chi KCB nội tỉnh | Chi KCB đa tuyến đến | |
| A | B | 1 | 2=3+4+5 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | |
| 1 | Hà Nội | | | | | | |
| 2 | TP. Hồ Chí Minh | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | |
| ..... | ..... | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**TP. KH-TH**
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng ban**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHYT báo cáo Lãnh đạo Ngành phụ trách phê duyệt; Gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Số liệu tổng hợp từ Dự toán thu, chi năm kế hoạch do BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân lập.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2- Mẫu biểu số 09**

# TỔNG HỢP SỐ CCVC, LĐHĐ TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BHXH VIỆT NAM Ở TRUNG ƯƠNG VÀ BHXH CẤP TỈNH

Đơn vị tính: Người

| TT | Đơn vị | Số lượng BHXH cấp huyện trực thuộc đến 31/12 năm trước | Số CCVC, LĐHĐ có mặt đến 31/12 năm trước | | | | | | Số lượng BHXH cấp huyện trực thuộc đến 30/06 năm hiện hành | Số CCVC, LĐHĐ có mặt đến 30/06 năm hiện hành | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng | Chia ra | | | | | | Tổng | Chia ra | | | | | |
| | | | | Công chức, viên chức | | | HĐLĐ làm CMNV | HĐLĐ theo Nghị định 68 | | | Công chức, viên chức | | | HĐ LĐ làm CMNV | HĐLĐ theo Nghị định 68 | |
| | | | | Tổng | Chia ra | | | | | | Tổng | Chia ra | | | | |
| | | | | | Công chức | Viên chức | | | | | | Công chức | Viên chức | | | |
| A | B | 1 | 2=3+6+7 | 3=4+5 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=10+13+14 | 10=11+12 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | BHXH VN Ở TRUNG ƯƠNG | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vụ.... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | BHXH CẤP TỈNH | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TP Hà Nội | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | ..... | | | | | | | | | | | | | | | |

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng phòng**
*(Ký, họ tên)*

....., ngày.....tháng.....năm .....
**Vụ trưởng**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo Lãnh đạo; gửi Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 5 tháng 7 hàng năm.
2. Cột B: "Đơn vị": Bao gồm:
- I/ BHXH VN ở Trung ương (đơn vị chuyên môn giúp việc TGĐ và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc).
- II/BHXH cấp tỉnh (BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
3. Cột 1, Cột 8: Số lượng BHXH cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố... trực thuộc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Phụ lục số 02- Mẫu biểu số 10

# DỰ TOÁN CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ CỦA BHXH VIỆT NAM NĂM...

| TT | Nội dung đào tạo, bồi dưỡng | Đối tượng | Tổng số học viên | Số cụm tổ chức | Số lớp | Thời gian học (ngày) | Thời gian dự kiến mở lớp | Kinh phí dự kiến (VNĐ) | Địa điểm dự kiến tổ chức | Đối tác phối hợp | Đơn vị chủ trì | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | | |
| I | **Đào tạo, bồi dưỡng** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bồi dưỡng.... | | | | | | | | | | | *Chi tiết dự toán theo quy chế đào tạo* |
| .... | .... | | | | | | | | | | | |
| | Đào tạo ..... | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | |
| II | **Xây dựng giáo trình** | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

*....,ngày tháng năm.....*

**Người lập biểu**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Vụ trưởng**
*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2 - Mẫu biểu số 12**

# ĐỐI TƯỢNG GIẢI QUYẾT HƯỞNG BHXH BẮT BUỘC, BHXH TỰ NGUYỆN HÀNG THÁNG VÀ MỨC HƯỞNG BÌNH QUÂN NĂM ...

*Đơn vị tính: Người, Đồng/người*

| TT | Đơn vị | Hưu trí | | Cán bộ xã | | Tử tuất | | | | | | TNLĐ | | BNN | | NPV | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Định suất cơ bản | | | Định suất nuôi dưỡng | | | | | | | | |
| | | | | | | Người | | Mức hưởng BQ | Người | | Mức hưởng BQ | | | | | | |
| | | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | NSNN | Quỹ | | NSNN | Quỹ | | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| | Tổng cộng (I+II) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | BHXH bắt buộc | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | BHXH tự nguyện | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm...*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHXH báo cáo Lãnh đạo; gửi Vụ Tài chính- Kế toán trước ngày 5 tháng 7 hàng năm.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Phụ lục 1 - Mẫu biểu số 13

# ĐỐI TƯỢNG GIẢI QUYẾT BHXH MỘT LẦN VÀ MỨC HƯỞNG BÌNH QUÂN NĂM ...

*Đơn vị tính: Người, Đồng/người*

| TT | Đơn vị | Bảo hiểm xã hội một lần | | Trợ cấp một lần khi thôi việc | | Trợ cấp mất sức | | | | | | Trợ cấp tuất | | | | | | Trợ cấp TNLĐ | | Trợ cấp BNN | | Trợ cấp chết do TNLĐ-BNN | | Trợ cấp khu vực | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | NSNN | | Quỹ BHXH | | Tổng số | | NSNN | | Quỹ BHXH | | Tổng số | | | | | | | | | |
| | | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ | Người | Mức hưởng BQ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | BHXH bắt buộc | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | BHXH tự nguyện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

Phụ trách bộ phận
*(Ký, họ tên)*

... ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
*(Ký, họ tên)*

Ghi chú:
1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHXH báo cáo Lãnh đạo; gửi Vụ Tài chính- Kế toán trước ngày 5 tháng 7 hàng năm.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 2 - Mẫu biểu số 14**

# ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN, DSPHSK

*Đơn vị tính: Lượt người, Đồng/lượt người*

| TT | Đơn vị | Trợ cấp ốm đau | | | Trợ cấp thai sản | | | Trợ cấp DSPHSK sau ÔĐ, TS, TNLĐ-BNN | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số ngày | Số lượt | Tiền BQ/lượt (đồng) | Số ngày | Số lượt | Tiền BQ/lượt (đồng) | Số ngày | Số lượt | Tiền BQ/lượt (đồng) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

*..., ngày ..... tháng .. năm...*

| Người lập biểu | Phụ trách bộ phận | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Ban Thực hiện chính sách BHXH báo cáo Lãnh đạo; gửi Vụ Tài chính- Kế toán trước ngày 5 tháng 7 hàng năm.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Phụ lục 2- Mẫu biểu số 14

# DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA BHXH VIỆT NAM

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Danh mục công trình, dự án (phải đúng tên theo Quyết định) | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) | | | | Tổng dự toán | | Kế hoạch đầu tư trung hạn | Thực hiện năm... (năm trước) | Kế hoạch vốn năm .....(năm kế hoạch) | | Giải ngân từ 1/1/năm....(năm kế hoạch) đến 31/6/... (năm kế hoạch) | Nhu cầu kế hoạch vốn năm ....(năm kế hoạch) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số quyết định | Ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư | | Tổng số | Trong đó: Dự phòng | | | Kế hoạch | Ước thực hiện | | Tổng số | Trong đó: Thanh toán nợ | |
| | | | | | | | Tổng số | Trong đó: Dự phòng | | | | | | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| | **Tổng số** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A | *Dự án nhóm A* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vốn chuẩn bị đầu tư | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Vốn thực hiện đầu tư | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | *Dự án đã hoàn thành* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | *Dự án chuyển tiếp* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | *Dự án khởi công mới* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án .... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| B | *Dự án nhóm B* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| C | *Dự án nhóm C* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

1. Mẫu này dùng cho Vụ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Ngành; trình Hội đồng Quản lý thông qua; gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**PHỤ LỤC SỐ 3**

**MẪU BIỂU LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- NSNN 03 NĂM**

*(Dùng cho các đơn vị)*

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Tổng hợp các chỉ tiêu thu, chi 3 năm… |
| Mẫu biểu số 02 | : | Kế hoạch phát triển đối tượng tham gia và dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT 03 năm |
| Mẫu biểu số 03 | : | Nhu cầu chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT từ năm ….đến năm… |

ĐƠN VỊ:....

Phụ lục 3- Mẫu biểu số 01

# TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM 3 NĂM ...

| TT | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Dự toán năm N | Dự toán năm N+1 | Dự toán năm N+2 |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **TỔNG SỐ THU** | Triệu đồng | | | |
| **I.1** | **Thu tiền đóng theo chế độ quy định** | Triệu đồng | | | |
| **1** | **Thu BHXH** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **2** | **Thu BHTN** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **3** | **Thu BHYT** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **4** | **Thu BHTNLĐ-BNN** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **I.2** | **Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ** | Triệu đồng | | | |
| **II** | **TỔNG SỐ CHI** | Triệu đồng | | | |
| **1** | **Chi BHXH** | Triệu đồng | | | |
| 1.1 | Nguồn quỹ BHXH đảm bảo | Triệu đồng | | | |
| 1.2 | Nguồn NSNN đảm bảo | Triệu đồng | | | |
| | - Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội | Triệu đồng | | | |
| | - Chi sự nghiệp y tế | Triệu đồng | | | |
| **2** | **Chi BHYT** | Triệu đồng | | | |
| | Dự toán chi KCB BHYT tại tỉnh | | | | |
| **3** | **Chi BHTN** | Triệu đồng | | | |
| **4** | **Chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT** | Triệu đồng | | | |
| 4.1 | Chi hoạt động bộ máy các cấp | Triệu đồng | | | |
| 4.2 | Chi phục vụ công tác thu, chi và quản lý đối tượng | Triệu đồng | | | |
| 4.3 | Chi ứng dụng công nghệ thông tin | Triệu đồng | | | |
| 4.5 | Chi đầu tư phát triển | Triệu đồng | | | |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:...

Phụ lục 3- Mẫu biểu số 02

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHTN, BHYT VÀ DỰ TOÁN THU 3 NĂM
## Từ năm ... đến năm ...

| Số TT | NỘI DUNG | SỐ NGƯỜI (người) | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ước thực hiện năm hiện hành N-1 | Dự toán năm N | Dự toán năm N +1 | Dự toán năm N + 2 | Năm hiện hành N-1 | | Dự kiến năm dự toán N | | | Năm N+1 | | | Năm N+2 | | |
| | | | | | | Dự toán | Ước thực hiện | Số KT được thông báo | Dự kiến của đơn vị | Chênh lệch số KT - số dự kiến | Số KT được thông báo | Dự kiến của đơn vị | Chênh lệch số KT - số dự kiến | Số KT được thông báo | Dự kiến của đơn vị | Chênh lệch số KT - số dự kiến |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=7-8 | 10 | 11 | 12=10-11 | 13 | 14 | 15=13-14 |
| | TỔNG SỐ THU | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | **Thu BHXH** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền đóng theo quy định | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | **Thu BHTNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Người SDLĐ đóng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHTNLĐ-BNN | | | | | | | | | | | | | | | |
| III | **Thu BHYT** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền đóng theo quy định | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT | | | | | | | | | | | | | | | |
| IV | **Thu BHTN** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Người LĐ và người SDLĐ đóng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN | | | | | | | | | | | | | | | |
| V | **Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ** | | | | | | | | | | | | | | | |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ:...**

**Phụ lục 3- Mẫu biểu số 03**

# NHU CẦU CHI BHXH, BHTN, BHYT VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT 03 NĂM
## Từ năm ... đến năm ...

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | NỘI DUNG | Năm hiện hành N-1 | | Dự kiến năm dự toán N | | | So sánh nhu cầu năm N với thực hiện năm N-1 | Năm N+1 | | | Năm N+2 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự toán | Ước thực hiện | Số kiểm tra được thông | Nhu cầu chi của đơn vị | Chênh lệch số KT - nhu cầu | | Số kiểm tra được thông báo | Nhu cầu chi của đơn vị | Chênh lệch số KT - nhu cầu | Số kiểm tra được thông báo | Nhu cầu chi của đơn vị | Chênh lệch số KT - nhu cầu |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3-4 | 6=4/2 | 7 | 8 | 9=7-8 | 10 | 11 | 12=10-11 |
| I | **CHI BHXH NGUỒN NSNN ĐẢM BẢO** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi sự nghiệp y tế | | | | | | | | | | | | |
| II | **CHI BHXH NGUỒN QUỸ ĐẢM BẢO** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Quỹ ốm đau, thai sản | | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Quỹ hưu trí, tử tuất | | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Quỹ TNLĐ-BNN | | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| III | **CHI BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| IV | **CHI KCB BHYT** | | | | | | | | | | | | |
| | Dự toán Chi KCB BHYT tại tỉnh | | | | | | | | | | | | |
| V | **CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi hoạt động bộ máy các cấp | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi phục vụ công tác thu, chi và quản lý đối tượng | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi ứng dụng công nghệ thông tin | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Chi đầu tư phát triển | | | | | | | | | | | | |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 4**

**MẪU BIỂU LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- NSNN 03 NĂM**

*(Dùng cho các đơn vị)*

| | |
|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : Tổng hợp các chỉ tiêu thu, chi 03 năm….. |
| Mẫu biểu số 02 | : Cập nhật, đánh giá kế hoạch phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT và dự toán 03 năm…. |
| Mẫu biểu số 03 | : Cập nhật, đánh giá nhu cầu chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT 03 năm… |

**Đơn vị:**

**Phụ lục số 4- Mẫu biểu số 01**

# TỔNG HỢP CẬP NHẬT, RÀ SOÁT CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI 03 NĂM...

| TT | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Dự toán năm (n) | Dự toán năm (n+1) | Dự toán năm (n+2) |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **TỔNG SỐ THU** | Triệu đồng | | | |
| **I.1** | **Thu tiền đóng theo chế độ quy định** | Triệu đồng | | | |
| **1** | **Thu BHXH** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **2** | **Thu BHTN** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **3** | **Thu BHYT** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **4** | **Thu BHTNLĐ-BNN** | | | | |
| | - Số người | Người | | | |
| | - Số tiền | Triệu đồng | | | |
| **I.2** | **Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ** | Triệu đồng | | | |
| **II** | **TỔNG SỐ CHI** | Triệu đồng | | | |
| **1** | **Chi BHXH** | Triệu đồng | | | |
| 1.1 | Nguồn quỹ BHXH đảm bảo | Triệu đồng | | | |
| 1.2 | Nguồn NSNN đảm bảo | Triệu đồng | | | |
| | - Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội | Triệu đồng | | | |
| | - Chi sự nghiệp y tế | Triệu đồng | | | |
| **2** | **Chi BHYT** | Triệu đồng | | | |
| | Chi KCB BHYT tại tỉnh | | | | |
| **3** | **Chi BHTN** | Triệu đồng | | | |
| **4** | **Chi hoạt động BHXH, BHTN, BHYT** | Triệu đồng | | | |
| 4.1 | Chi hoạt động bộ máy các cấp | Triệu đồng | | | |
| 4.2 | Chi phục vụ công tác thu, chi và quản lý đối tượng | Triệu đồng | | | |
| 4.3 | Chi ứng dụng công nghệ thông tin | Triệu đồng | | | |
| 4.4 | Chi đầu tư phát triển | Triệu đồng | | | |

*....., ngày tháng năm .....*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Đơn vị.....

**Phụ lục số 4- Mẫu biểu số 02**

# CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHTN, BHYT VÀ DỰ TOÁN THU 3 NĂM .....

| Số TT | NỘI DUNG | SỐ NGƯỜI (người) | | | | | | SỐ TIỀN (triệu đồng) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm n | | Năm (n+1) | | Năm (n+2) | | Năm n | | Năm (n+1) | | Năm (n+2) | |
| | | Dự toán TTCP giao | Ước thực hiện | Kế hoạch lập năm trước | Đề xuất điều chỉnh | Kế hoạch lập năm trước | Đề xuất điều chỉnh | Dự toán TTCP giao | Ước thực hiện | Kế hoạch lập năm trước | Đề xuất điều chỉnh | Kế hoạch lập năm trước | Đề xuất điều chỉnh |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 12 | 13 |
| | **TỔNG SỐ THU** | | | | | | | | | | | | |
| I | **Thu BHXH** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền đóng theo quy định | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH | | | | | | | | | | | | |
| IV | **Thu BHTNLĐ-BNN** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Người sử dụng LĐ đóng | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHTNLĐ-BNN | | | | | | | | | | | | |
| II | **Thu BHYT** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền đóng theo quy định | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT | | | | | | | | | | | | |
| III | **Thu BHTN** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Người LĐ và người SDLĐ đóng | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN | | | | | | | | | | | | |
| V | **Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ** | | | | | | | | | | | | |

*..... ngày tháng năm.....*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Đơn vị:

Phụ lục số 4- Mẫu biểu số 03

# CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI BHXH, BHTN, BHYT VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT 03 NĂM .....

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | NỘI DUNG | Năm n | | | Năm (n+1) | | | Năm (n+2) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự toán giao | Ước thực hiện | Chênh lệch | Trần chi đã được thông báo | Kế hoạch lập năm trước | Đề xuất điều chỉnh | Trần chi đã được thông báo | Kế hoạch lập năm trước | Đề xuất điều chỉnh |
| A | B | | | | | | | | | |
| I | **CHI BHXH NGUỒN NSNN ĐẢM BẢO** | | | | | | | | | |
| 1 | Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội | | | | | | | | | |
| 2 | Chi sự nghiệp y tế | | | | | | | | | |
| II | **CHI BHXH NGUỒN QUỸ ĐẢM BẢO** | | | | | | | | | |
| 1 | Quỹ ốm đau, thai sản | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | |
| 2 | Quỹ hưu trí, tử tuất | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | |
| 3 | Quỹ TNLĐ-BNN | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | |
| III | **CHI BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | | | | | | | | | |
| | Trong đó BHYT cho đối tượng | | | | | | | | | |
| IV | **CHI KCB BHYT** | | | | | | | | | |
| V | **CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT** | | | | | | | | | |
| 1 | Chi hoạt động bộ máy các cấp | | | | | | | | | |
| 2 | Chi phục vụ công tác thu, chi và quản lý đối tượng | | | | | | | | | |
| 3 | Chi ứng dụng công nghệ thông tin | | | | | | | | | |
| 4 | Chi đầu tư phát triển | | | | | | | | | |

*....., ngày tháng năm.....*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## PHỤ LỤC SỐ 5

## MẪU BIỂU THÔNG BÁO SỐ KIỂM TRA, GIAO DỰ TOÁN, GIAO DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

*(Dùng cho BHXH tỉnh; Ban Thu, Ban Thực hiện chính sách BHYT, Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | | |
|---|---|---|
| Mẫu biểu số 01 | : | Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 02 | : | Dự toán chi BHXH, BHTN |
| Mẫu biểu số 03 | : | Chi tiết số ghi thu, ghi chi của đối tượng hưởng hưu trí tại BHXH Việt Nam |
| Mẫu biểu số 04 | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT |
| Mẫu biểu số 05 | : | Dự toán chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 06 | | Dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT năm ... của BHXH ... |
| Mẫu biểu số 07 | : | Kế hoạch phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 08 | : | Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 09 | : | Dự toán chi phí thu BHXH, BHTN, BHYT |
| Mẫu biểu số 10 | : | Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT |
| Mẫu biểu số 11 | : | Dự toán chi BHXH, BHTN |
| Mẫu biểu số 12 | : | Chi tiết số ghi thu, ghi chi của đối tượng hưởng hưu trí tại BHXH Việt Nam |
| Mẫu biểu số 13 | : | Dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT |

**Đơn vị quản lý cấp trên:...**
**Đơn vị báo cáo:.....**

**Phụ lục 5- Mẫu biểu số 01**

# DỰ TOÁN THU BHXH, BHTN, BHYT NĂM.....

*(Kèm theo Văn bản/Quyết định (theo mẫu số 1a, 1b) số ..... của .....)*

| TT | Đơn vị | BHXH bắt buộc | | BHXH tự nguyện | | Bảo hiểm thất nghiệp | | Bảo hiểm y tế | | Tổng cộng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* | Đối tượng *(người)* | Số tiền *(triệu đồng)* |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=1+3+7 | 10=2+4+8 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký, họ tên)*

*....., ngày.... tháng.... năm .....*
**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Phòng Kế hoạch- Tài chính (BHXH tỉnh), Vụ Kế hoạch và Đầu tư (BHXH Việt Nam) tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

**Phụ lục 5- Mẫu biểu số 02**

# DỰ TOÁN CHI BHXH, BHTN NĂM.....

*(Kèm theo Văn bản/ Quyết định (theo mẫu số 1a, 1b) số ..... của .....)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Chi BHXH bắt buộc từ nguồn NSNN đảm bảo | | | Chi BHXH từ Quỹ BHXH đảm bảo | | | Chi Bảo hiểm thất nghiệp | | | Tổng cộng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự toán giao | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán cấp về đơn vị | Dự toán giao | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán cấp về đơn vị | Dự toán giao | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán cấp về đơn vị | Dự toán giao | Trích đóng BHYT (ghi thu, ghi chi) | Dự toán cấp về đơn vị |
| A | B | 1 | 2 | 3=1-2 | 4 | 5 | 6=4-5 | 7 | 8 | 9=7-8 | 13 | 14 | 15=13-14 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng.....năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Phòng Kế hoạch- Tài chính (BHXH tỉnh), Vụ Kế hoạch và Đầu tư (BHXH Việt Nam) tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 5- Mẫu biểu số 03**

# CHI TIẾT SỐ GHI THU, GHI CHI CỦA ĐỐI TƯỢNG HƯU TRÍ TẠI BHXH VIỆT NAM NĂM .....

*(Kèm theo Văn bản/ Quyết định (theo mẫu số 1a) số ..... của .....)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Nguồn NSNN | Nguồn Quỹ | Bảo hiểm thất nghiệp | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=1+2+3 |
| | **Tổng cộng** | | | | |
| ... | ..... | | | | |
| ... | ..... | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

*....., ngày....tháng..... năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú**

1. Mẫu biểu này dùng cho Vụ Kế hoạch và Đầu tư (BHXH Việt Nam) tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh.

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5 - Mẫu biểu số 4

# DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Tổng dự toán chi KCB tại tỉnh | *Trong đó:* | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Chi CSSKBĐ | Chi KCB BHYT tại cơ sở y tế |
| A | B | 1=2+3+4 | 2 | 4 |
| | **Tổng cộng** | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm .....*

| Người lập biểu | Phụ trách bộ phận | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký,họ tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho Phòng Kế hoạch- Tài chính (BHXH tỉnh), Vụ Kế hoạch và Đầu tư (BHXH Việt Nam) tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Mẫu biểu số 05

# DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT NĂM .....

*(Kèm theo Văn bản/ Quyết định (theo mẫu số 1a) số.....của.....)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Chi thường xuyên | Chi thường xuyên đặc thù | | | | | Chi không thường xuyên | Chi sửa chữa, mua sắm | Duy trì phát triển Ứng dụng CNTT | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *Tổng số* | *Trong đó:* | | | | | | | |
| | | | | Chi hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân xã lập danh sách tham gia BHYT | Chi thù lao cho đại lý thu | Tuyên truyền | ..... ..... | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 6 | 7 | 8 | 9=1+2+6+7+8 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | |
| I | **Kinh phí phân bổ** | | | | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | | | | |
| II | **Kinh phí chưa phân bổ** | | | | | | | | | | |
| a) | **Kinh phí tiết kiệm** | | | | | | | | | | |
| ... | ..... ..... | | | | | | | | | | |
| b) | **Kinh phí chưa phân bổ** | | | | | | | | | | |

*....., ngày .....tháng..... năm .....*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký,họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú**

1. Mẫu biểu này dùng cho Phòng Kế hoạch- Tài chính (BHXH tỉnh), Vụ Kế hoạch và Đầu tư (BHXH Việt Nam) tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh

BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

**Phụ lục 5-Mẫu biểu số 06**

# DỰ TOÁN THU, CHI BHXH, BHTN, BHYT NĂM ...
# CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

*(Ban hành kèm theo Văn bản/Quyết định (theo mẫu số 1a/1b) ... của ...)*

*(Dùng cho BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh giao dự toán cho các đơn vị)*

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Dự toán |
|---|---|---|---|
| **A** | **CÁC CHỈ TIÊU THU** | | |
| **I** | **Thu bảo hiểm xã hội bắt buộc** | | |
| 1 | Đối tượng tham gia | Người | |
| 2 | Số thu | Triệu đồng | |
| **II** | **Thu bảo hiểm xã hội tự nguyện** | | |
| 1 | Đối tượng tham gia | Người | |
| 2 | Số thu | Triệu đồng | |
| **III** | **Thu bảo hiểm thất nghiệp** | | |
| 1 | Đối tượng tham gia | Người | |
| 2 | Số thu | Triệu đồng | |
| **IV** | **Thu bảo hiểm y tế** | | |
| 1 | Đối tượng tham gia | Người | |
| 2 | Số thu | Triệu đồng | |
| **B** | **CÁC CHỈ TIÊU CHI** | | |
| **I** | **Chi bảo hiểm xã hội** | | |
| 1 | Nguồn Ngân sách nhà nước đảm bảo | Triệu đồng | |
| | Trong đó: | | |
| | - Trích đóng bảo hiểm y tế (ghi thu, ghi chi) | Triệu đồng | |
| | - Dự toán cấp về đơn vị | Triệu đồng | |
| 2 | Nguồn quỹ bảo hiểm xã hội đảm bảo | Triệu đồng | |
| | Trong đó: | | |
| | - Trích đóng bảo hiểm y tế (ghi thu, ghi chi) | Triệu đồng | |
| | - Dự toán cấp về đơn vị | Triệu đồng | |
| **II** | **Chi bảo hiểm thất nghiệp** | | |
| | Trong đó: | | |
| | - Trích đóng bảo hiểm y tế (ghi thu, ghi chi) | Triệu đồng | |
| | - Dự toán cấp về đơn vị | Triệu đồng | |
| **III** | **Chi khám bệnh, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế** | | |
| | Trong đó: | | |
| | - Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu | Triệu đồng | |
| | - Chi KCB BHYT | Triệu đồng | |
| **IV** | **Chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT** | | |
| 1 | Chi thường xuyên | Triệu đồng | |
| 2 | Chi thường xuyên đặc thù | Triệu đồng | |
| | *Trong đó:* | | |
| | a) Chi hỗ trợ UBND xã lập DS tham gia BHYT | Triệu đồng | |
| | b) Thù lao đại lý thu BHXH, BHYT tự nguyện | Triệu đồng | |
| | c) Chi tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT | Triệu đồng | |
| | ..... | | |
| 3 | Chi không thường xuyên | Triệu đồng | |
| 4 | Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc | Triệu đồng | |

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu dự toán thu, chi tính theo mức lương cơ sở ..... Đồng/tháng.

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Mẫu biểu số 07

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHTN, BHYT

*Đơn vị người*

| TT | Đơn vị | BHXH bắt buộc | | | | | | BHXH tự nguyện | | | | | | Bảo hiểm thất nghiệp | | | | | | Bảo Hiểm y tế | | | | | | | | Tổng cộng | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ước thực hiện năm... ( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm... ( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm... ( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm... ( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Tỷ lệ bao phủ BHYT | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Tỷ lệ bao phủ BHYT | Ước thực hiện năm... ( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

Phụ trách bộ phận
*(Ký, họ tên)*

..... *ngày* *tháng* *năm* .....
Thủ trưởng đơn vị
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú**

1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

Đơn vị quản lý cấp trên:....
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Mẫu biểu số 03

# DỰ TOÁN THU BHXH, BHTN, BHYT

*Đơn vị:triệu đồng*

| TT | Đơn vị | BHXH bắt buộc | | | | | | BHXH tự nguyện | | | | | | BHTN | | | | | | Bảo hiểm y tế | | | | | | | | Tổng cộng | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...(năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...(năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...( năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Tỷ lệ bao phủ BHYT | Dự kiến năm... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Tỷ lệ bao phủ BHYT | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...( năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

Phụ trách bộ phận
*(Ký, họ tên)*

*..... ngày ... tháng ... năm .....*
**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên)*

**Chỉ chú**

1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh; báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Biểu mẫu số 09

# DỰ TOÁN CHI PHÍ THU BHXH, BHTN, BHYT NĂM.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Thực hiện năm... (năm trước) | | | Dự toán năm...(năm hiện hành) | | | | | | Dự toán năm... (năm kế hoạch) | | | So sánh năm KH với ước TH năm HH | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Dự toán giao | | | Ước thực hiện | | | Dự kiến | | | Tăng, giảm | | | Tỷ lệ (%) | | |
| | | Chi hỗ trợ công tác thu | Chi thù lao cho đại lý thu | Chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn | Chi hỗ trợ công tác thu | Chi thù lao cho đại lý thu | Chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn | Chi hỗ trợ công tác thu | Chi thù lao cho đại lý thu | Chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn | Chi hỗ trợ công tác thu | Chi thù lao cho đại lý thu | Chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn | Chi hỗ trợ công tác thu | Chi thù lao cho đại lý thu | Chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn | Chi hỗ trợ công tác thu | Chi thù lao cho đại lý thu | Chi hỗ trợ cho UBND xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

Phụ trách bộ phận
*(Ký, họ tên)*

Thủ trưởng đơn vị
*(Ký,họ tên)*

Ghi chú
1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Mẫu biểu số 10

# DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM .....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Tổng số người tham gia BHYT | Số thu được sử dụng trong năm | Quỹ KCB được sử dụng | Chi KCB tại tỉnh | Chi CSSK ban đầu | | | | Chi thanh toán trực tiếp | Chi KCB BHYT cho cơ sở KCB (bao gồm cả kết dư định suất nếu có) | Chi 20% kết dư của tỉnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Cộng | *Trong đó* | | | | | |
| | | | | | | | CSSK ban đầu của HSSV | CSSK ban đầu của TE < 6 tuổi | CSSK ban đầu của y tế cơ quan | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=5+9+10+11+12 | 5=6+7+8 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký, họ tên)*

**Ghi chú**

1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Mẫu biểu số 11

# DỰ TOÁN CHI BHXH, BHTN NĂM.....

| TT | Đơn vị | Chi BHXH bắt buộc nguồn NSNN | | | | | | Chi BHXH bắt buộc nguồn quỹ | | | | | | Chi BHTN | | | | | | Tổng cộng | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm.... (năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...(năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...( năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | | Ước thực hiện năm...( năm hiện hành) | So với năm... (Năm trước) | | Dự kiến năm...(năm kế hoạch) | Năm KH so với ƯTH năm HH | |
| | | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) | | Tăng, giảm | Tỷ lệ (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên)*

Phụ trách bộ phận
*(Ký, họ tên)*

*....., ngày tháng năm.....*
Thủ trưởng đơn vị
*(Ký, họ tên)*

Ghi chú

1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**Phụ lục 5- Mẫu biểu số 12**

# CHI TIẾT SỐ GHI THU, GHI CHI CỦA ĐỐI TƯỢNG HƯU TRÍ TẠI BHXH VIỆT NAM NĂM .....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Nguồn NSNN | Nguồn Quỹ | Bảo hiểm thất nghiệp | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=1+2+3 |
| | **Tổng cộng** | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

*....., ngày....tháng..... năm .....*

| **Người lập biểu** | **Phụ trách bộ phận** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký,họ tên)* |

**Ghi chú**

1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

Đơn vị quản lý cấp trên:...
Đơn vị báo cáo:.....

Phụ lục 5- Mẫu biểu số 13

# DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BHXH, BHTN, BHYT

*(Dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực báo cáo Lãnh đạo; gửi đơn vị tổng hợp)*

*Đơn vị:Triệu đồng*

| TT | Đơn vị | Tổng cộng | Chi thường xuyên | | Chi thường xuyên đặc thù | | | | | Chi không thường xuyên | | Chi mua sắm, sửa chữa | | Chi ứng dụng CNTT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cộng | *Trong đó* | Cộng | *Trong đó* | | | | Cộng | *Trong đó* | Cộng | *Trong đó* | Cộng | *Trong đó* |
| | | | | ..... | | Chi hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân xã lập danh sách tham gia BHYT | Thù lao đại lý thu BHXH, BHYT tự nguyện | Tuyên truyền, phổ biến pháp luật | ..... | | ..... | | ..... | | ..... |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

..... *ngày* *tháng* *năm* ...

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Phụ trách bộ phận**
*(Ký,họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký,họ tên)*

**Ghi chú:**

1. Mẫu biểu này dùng cho đơn vị quản lý lĩnh vực tổng hợp số liệu thông báo số kiểm tra; giao dự toán, giao dự toán điều chỉnh báo cáo Lãnh đạo; Gửi đơn vị tổng hợp

**Mẫu số 1a**

| | |
|---|---|
| **BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-BHXH | *……, ngày….. tháng……năm……* |

# QUYẾT ĐỊNH[1]
## Về việc giao dự toán thu, chi năm……

## TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số …… ngày …….. của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số …… ngày …… của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày…. của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm …….;

Căn cứ Quyết định số …….. ngày ……. của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi năm ……. của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo phụ lục [2] đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ vào dự toán thu, chi được giao tại Điều 1, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiến hành phân bổ chỉ tiêu dự toán thu, chi cho các đơn vị cấp dưới và tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Trưởng Ban Thu, Trưởng Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế [3], Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn

vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Các Phó Tổng Giám đốc (4);
- Lưu: VT, KHĐT (5b) (5).

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1)Mẫu biểu Mẫu này áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

(2) Kèm theo Phụ lục 5- Mẫu biểu 06.

(3), (4) Kèm theo Phụ lục 5-Mẫu biểu số 01 đến Mẫu biểu số 06

(5) Kèm theo Phụ lục 5 Mẫu biểu số 01 đến Mẫu biểu số 06

**Mẫu số 1b**

*(Dùng cho BHXH Việt Nam thông báo dự toán cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân,Cơ quan, tổ chức thuộc ngành LĐ, TB&XH)*

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BHXH-KHĐT
V/v thông báo dự toán năm .....

*....., ngày... tháng.... năm .....*

Kính gửi: [1].....

Căn cứ Quyết định số .....ngày ..... của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi năm ..... của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi năm .....; Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông báo dự toán thu, chi năm ..... của[1] ..... như sau:

*Đơn vị : Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|---|---|---|
| **I** | **Tổng số thu** | |
| 1 | Thu bảo hiểm xã hội | |
| 3 | Thu bảo hiểm thất nghiệp | |
| 4 | Thu bảo hiểm y tế | |
| **II** | **Tổng số chi BHXH** | |
| **III** | **Tổng số chi KCB BHYT** | |
| **IV** | **Chi quản lý** | |
| 1 | Chi thường xuyên | |
| 2 | Chi thường xuyên đặc thù | |
| | *Trong đó, chi tuyên truyền* | |
| 3 | Chi không thường xuyên | |
| 4 | Chi sửa chữa, mua sắm tài sản | |
| 5 | Chi phát triển công nghệ thông tin | |

Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông báo để [1]..... biết, thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Như trên (2b);
- Các Phó TGĐ;
- Vụ TCKT, Ban Thu, Ban CSYT;
- Lưu: VT, KHĐT (5b).

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động, thương binh và xã hội.

**Mẫu số 1c**

| | |
|---|---|
| **BHXH TỈNH....** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-BHXH | *....., ngày..... tháng.....năm.....* |

# QUYẾT ĐỊNH[1]
## Về việc giao dự toán thu, chi năm.....

## GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH.....

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc thành lập Bảo hiểm xã hội tỉnh.....;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội địa phương ;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày.... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi năm .....;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục [2] đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ vào dự toán thu, chi được giao tại Điều 1, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng các phòng nghiệp vụ trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh....., Chánh Văn phòng tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng phòng Thu, Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng nghiệp vụ

có liên quan và Giám đốc Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- BHXH Việt Nam
- Như điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ (4);
- Lưu: VT, KHTC (5b) (5).

**GIÁM ĐỐC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1)Mẫu biểu Mẫu này áp dụng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh.

(2) Kèm theo Phụ lục 5- Mẫu biểu 06.

(3), (4) Kèm theo Phụ lục 5-Mẫu biểu số 01 đến Mẫu biểu số 06

(5) Kèm theo Phụ lục 5 Mẫu biểu số 01 đến Mẫu biểu số 06